UBND TỈNH THANH HÓA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Thạc sỹ

Chuyên ngành: Kế toán

Định hướng: Ứng dụng

Mã số chuyên ngành: 8340301

Thanh Hóa, năm 2024

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1872 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định 847/QĐ-ĐHHĐ ngày 17/4/2023 của Hiệu trưởng Trường đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27/3/2024 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán;

Căn cứ Thông báo kết luận số 134/TB-ĐHHĐ ngày 4/6/2024 của Hội đồng Khoa học đào tạo Trường về việc thống nhất ban hành 8 Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo và Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành **Kế toán** áp dụng cho khóa tuyển sinh từ đợt 1 năm 2024 *(có Chương trình đào tạo, Bản mô tả chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo kèm theo).*

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn quản lý chuyên ngành Kế toán có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức quản lý và đào tạo theo đúng Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo đã được phê duyệt.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng KH&ĐT Trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLĐT SĐH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Bùi Văn Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1872/QĐ-ĐHHĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Thạc sĩ Kế toán
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Master of Accounting
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	8340301
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Kinh tế - QTKD/Kế toán quản trị
Đối tượng tuyển sinh:	Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể đối tượng tuyển sinh là: a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên, chính quy hoặc không chính quy; nếu bằng nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành) ngành phù hợp; b) Đối với những người dự tuyển có văn bằng đại học phù hợp nhưng chưa đủ kiến thức ngành thì phải học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương trước khi xét tuyển.
Hình thức tuyển sinh:	Xét tuyển, thi tuyển, kết hợp xét tuyển và thi tuyển.
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	60
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (60 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa

	học đạt từ 5,0 trở lên. - Đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và CĐR về ngoại ngữ (bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Bằng Thạc sĩ kế toán
Vị trí làm việc:	Sau khi hoàn thành chương trình Thạc sĩ ngành Kế toán, học viên có thể làm việc tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, ngân hàng, kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập và các đơn vị khác ở những vị trí làm việc sau: - Giám đốc, phó giám đốc tài chính; trưởng phòng, kế toán trưởng, phụ trách kế toán; cán bộ, chuyên viên phụ trách các bộ phận kế toán trong doanh nghiệp. - Trưởng/phó phòng, chuyên viên các phòng ngân sách, phòng tài vụ, phòng kiểm soát chi, phòng kế toán; phòng kê khai và kế toán thuế, phòng kế hoạch - tài chính…tại Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế, cơ quan hải quan, BHXH và các đơn vị hành chính sự nghiệp khác. - Trưởng/phó phòng kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, kiểm toán trưởng, cán bộ chuyên viên phụ trách công tác kiểm toán, kiểm soát tại các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và công ty kiểm toán. - Chuyên gia phân tích, tư vấn viên; chuyên viên phân tích các vấn đề tài chính, kế toán tại đơn vị tư vấn độc lập. - Nguyên cứu viên, giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các viện và trung tâm nghiên cứu.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	Tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	Để xây dựng chương trình đào tạo ngành Kế

	toán đã tham khảo các chương trình đào tạo dưới đây. *1) Trường Đại học Kinh tế quốc dân* https://sdh.neu.edu.vn/storage/files/Khung%20CTDT%20thac%20si%202022.pdf *2) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội* https://admin.cms.ueb.edu.vn/ckfinder/connector?command=Proxy&lang=vi&langCode=vi&type=abc&currentFolder=%2Fhoangduchung%2F&hash=f8c1d87006fbf7e5cc4b026c3138bc046883dc71&fileName=KCT%20THS%20Ke%20toan.pdf *3) Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.* https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/chuyen-nganh-ke-toan-thac-si-huong-ung-dung/ *4) Đại học Kinh tế Stockholm:* https://www.hhs.se/en/education/msc/mafm/?gclid=Cj0KCQiA3-yQBhD3ARIsAHuHT65vD19ILMjD3XNUlPuPMRsw7fhs9tgjK5rZIZwRsMwcQtjxtDUfMX8aAixXEALw_wcB *5. Đại học Auckland – New Zealand.* https://cpb-ap-se2.wpmucdn.com/blogs.auckland.ac.nz/dist/6/426/files/2018/07/MProfAcc-Course-description-2021-WEB.pdf

II. Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu

2.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ Kế toán có kiến thức thực tế, kiến thức chuyên sâu, rộng ở mức độ tự chủ kiến thức trong phạm vi của ngành kế toán, kiểm toán và phân tích; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin ngành kế toán, kiểm toán và phân tích một cách khoa học và tiên tiến; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng công nghệ phù hợp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.

2.1.2. Mục tiêu cụ thể

Mã hoá mục tiêu CTĐT (PO)	Mô tả
2.1.2.1. Kiến thức	
PO1	Nâng cao kiến thức triết học, biết vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay; xác lập vững chắc thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn cho người học, làm cơ sở cho việc nhận thức và giải quyết tốt các vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.
PO2	Có kiến thức thực tế, chuyên sâu, rộng và tiến tiến về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích; có kiến thức tổng hợp về tài chính, kinh tế, quản trị và quản lý để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác kế toán, tài chính tại đơn vị.
2.1.2.2. Kỹ năng	
PO3	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác kế toán, tài chính tại đơn vị; tư vấn cho nhà lãnh đạo trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.
PO4	Có kỹ năng tổ chức, điều hành công tác kế toán, kiểm toán và phân tích tại đơn vị; có kỹ năng nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ hoạt động chuyên môn nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.
PO5	Đạt chuẩn tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam để đáp ứng các yêu cầu công việc trong thực tiễn
2.1.2.3. Tự chủ và chịu trách nhiệm	
PO6	Có năng lực làm việc độc lập, có năng lực định hướng, phát huy trí tuệ tập thể trong hoạt động nghề nghiệp; có năng lực học tập nghiên cứu ở bậc cao hơn phục vụ nhu cầu công việc.

2.2. Chuẩn đầu ra

PLO_m	Nội dung PLO_m	PI_m	Nội dung PI_m
I	**Kiến thức**		
PLO1	Có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học và những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho	PI1.1	**Hệ thống hóa và giải thích** nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học và những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học

	công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.		Mác - Lênin nói riêng
		PI1.2	**Vận dụng** được kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn.
		PI1.3	**Hệ thống hóa** được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.
PLO2	Có kiến thức thực tế, chuyên sâu, rộng và tiên tiến trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích	PI2.1	**Giải thích và phân tích** được kiến thức chuyên sâu lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.
		PI2.2	**Khái quát hóa và giải thích** kiến thức tiến tiến trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.
PLO3	Có kiến thức tổng hợp về tài chính, kinh tế, quản trị và quản lý để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác kế toán, tài chính tại đơn vị.	PI3.1	**Hệ thống hóa** kiến thức liên ngành về kinh tế, tài chính, quản trị.
		PI3.2	**Vận dụng** được kiến thức chung về quản trị và quản lý để nhận diện vấn đề thực tiễn trong công tác kế toán, tài chính tại đơn vị.
II	**Kĩ năng**		
PLO4	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu, thông tin để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác kế toán, tài chính tại đơn vị; tư vấn cho nhà lãnh đạo trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.	PI4.1	**Phân tích, đánh giá được** thông tin về lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.
		PI4.2	**Phản biện và tư vấn được** cho nhà lãnh đạo trong các quyết định liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.

PL05	Có kỹ năng tổ chức, quản trị, vận dụng thành thạo kỹ năng chuyên môn, và kỹ năng tư duy vào trong quản lý, điều hành công tác kế toán, kiểm toán, và phân tích tại đơn vị.	PI5.1	**Vận dụng được** thành thạo kỹ năng chuyên môn và kỹ năng tư duy vào trong công tác kế toán, kiểm toán, và phân tích tại đơn vị.
		PI5.2	**Điều hành được** công tác kế toán, kiểm toán, và phân tích tại đơn vị.
PL06	Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích	PI6.1	**Sử dụng được** công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.
		PI6.2	**Phát triển được** công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.
PL07	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam và đáp ứng nhu cầu chuyên môn	PI7.1	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.
		PI7.2	Có năng lực ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu chuyên môn.
III	**Tự chủ và trách nhiệm**		
PL08	Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn thích nghi và tự định hướng, hướng dẫn người khác; có năng lực quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích.	PI8.1	**Hướng dẫn được** và truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, thích nghi và tự định hướng, hướng dẫn người khác trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích; Tự chủ và tự chịu trách nhiệm..
		PI8.2	**Quản lý được** các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích; có năng lực thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN4.0.

III. Nội dung đào tạo và cấu trúc của chương trình đào tạo

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	07
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 15 TC	Bắt buộc	03
		Tự chọn	12
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	15
		Tự chọn	08
4	**Thực tập:** 06 TC	Bắt buộc	06
5	**Đề án tốt nghiệp:** 09 TC	Bắt buộc	09
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60 TC			

2. Nội dung chương trình và kế hoạch đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học kỳ	Điều kiện tiên quyết	Bộ môn phụ trách học phần
				Lý thuyết	Bài tập/ Thảo luận	Thực hành	Tự học			
I	**Khối kiến thức chung**		**7**							
	Các học phần bắt buộc		**7**							
1	8THXH1	Triết học	4	48	36	0	180	1		Lý luận Mác - Lênin
2	8TA001	Tiếng Anh	3	27	18	18	135	1		Ngôn ngữ - Văn hóa và PPGD
II	**Khối kiến thức cơ sở**		**12**							
	Các học phần bắt buộc		**3**							
3	3TK101	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý	3	27	28	8	135	2		BM. Kinh tế
	Các học phần tự chọn		**9**							
Nhóm 1: Kinh tế và quản lý kinh tế (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
4a	3KT131	Kinh tế học quản lý	3	27	26	10	135	1		BM Kinh tế
4b	3KT132	Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội	3	27	28	8	135	1		BM Kinh tế

		nhập								
Nhóm 2: Tài chính doanh nghiệp và Thuế (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
5a	3TC103	Chính sách và nghiệp vụ thuế	3	27	36	0	135	1		BM TCNH
5b	3QK238	Quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại	3	27	36	0	135	1		BM TCNH
Nhóm 3: Quản trị, quản lý (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
6a	3QT204	Lãnh đạo và quản lý	3	27	28	8	135	2		BM. QTKD
6b	3QT202	Quản trị chiến lược trong tổ chức	3	27	26	10	135	2		BM. QTKD
Nhóm 4: Hành vi tổ chức và quản trị nguồn nhân lực (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
7a	3QT205	Hành vi tổ chức	3	27	26	10	135	2		BM. QTKD
7b	3QT203	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa	3	27	26	10	135	2		BM. QTKD
III	**Khối kiến thức ngành**		**26**							
	Các học phần bắt buộc		**15**							
8	3KQ204	Tổng luận kế toán	3	27	27	9	135	1		BM. KTQT
9	3KC201	Kế toán tài chính nâng cao	3	27	26	10	135	1		BM. KTTC
10	3KQ201	Kế toán quản trị nâng cao	3	27	24	12	135	2		BM. KTQT
11	3KC202	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3	27	18	18	135	2		BM. KTTC
12	3KQ202	Kế toán công	3	27	24	12	135	2		BM. KTQT
	Các học phần tự chọn		**11**							
Nhóm 1: Phân tích (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
13a	3KQ101	Phân tích kinh doanh	3	27	21	15	135	2		BM. KTQT
13b	3KC204	Phân tích báo cáo tài chính	3	27	27	9	135	2		BM. KTTC

Nhóm 2: Kiểm soát (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
14a	3KC203	Kiểm soát nội bộ	3	27	27	09	135	3		BM. KTTC
14b	3KC101	Kiểm soát quản lý	3	27	36	0	135	3		BM. KTTC
Nhóm 3: Luật, chuẩn mực và Kế toán trách nhiệm (chọn 1 học phần trong số 2 học phần sau)										
15a	3KC205	Luật và chuẩn mực kế toán	2	18	14	10	90	3		BM. KTTC
15b	3KT245	Kế toán trách nhiệm	2	18	12	12	90	3		BM. KTQT
16	**3TTKQ1**	**Thực tập**	**6**					**3**		BM. KTQT
17	**3DAKQ1**	**Đề án tốt nghiệp**	**9**					**4**		BM. KTQT
	Tổng cộng		**60**							

IV. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu

4.1. Đội ngũ giảng viên:

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Phó giáo sư	0	1	1
Tiến sỹ	0	12	12
Tổng	**0**	**13**	**13**

4.2. Phòng học:

Phòng học chuyên ngành: Phòng học đa năng trang bị bàn ghế, máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác đạt tiêu chuẩn cho 1 lớp học từ 30 đến 35 học viên.

Phòng semina: Đáp ứng tốt yêu cầu sinh hoạt, hội thảo khoa học chuyên ngành cho 50 học viên, có đầy đủ các phương tiện hiện đại như: Projector, Overhead, bảng, bàn ghế, mạng Internet, máy tính.

Phòng cho học viên tự nghiên cứu: Phòng 30 m2, trang bị 20 bộ bàn ghế, 1 bảng, 20 máy tính nối mạng Internet, 1 tủ sách và tạp chí chuyên nhành phục vụ cho học viên tự học, tìm tài liệu học tập và tự nghiên cứu.

Phòng học tiếng (LAB): Đáp ứng yêu cầu cho học viên học tập ngoại ngữ đạt trình độ chuẩn quốc tế, được kết nối mạng Internet phục vụ cho các kỳ thi tiếng Anh cấp chứng chỉ quốc tế. Số phòng LAB là 3 phòng (đặt tại Khoa Ngoại ngữ và Trung tâm Giáo dục Quốc tế).

4.3. Các phòng thí nghiệm và hệ thống trang thiết bị liên quan:

TT	Phòng thí nghiệm	Hệ thống trang thiết bị liên quan
1	Phòng kế toán mô phỏng	Máy tính, máy chiếu, máy in, hệ thống phần mềm, phòng học tiêu chuẩn
2	Phòng ngân hàng ảo	Máy tính, máy chiếu, máy in, hệ thống phần mềm, phòng học tiêu chuẩn

4.4. Thư viện

Nhà trường có 1 trung tâm thư viện hiện đại gồm 5 tầng với diện tích sử dụng trên 4000 m2, có 3 phòng đọc lớn với 600 chỗ ngồi dành cho bạn đọc, có đầy đủ phương tiện phục vụ học viên đến học tập, tìm kiếm thông tin, truy cập Internet, tìm đọc tài liệu cơ sở, cơ bản và chuyên ngành.

Thư viện được thiết kế theo mô hình thư viện mở. Tại mỗi phòng đọc đều có đầy đủ sách, tài liệu, máy vi tính kết nối truy cập Internet. Thư viện hiện có 6 phòng học nhóm (tầng 2,3) đáp ứng nhu cầu của giảng viên hay cho từng nhóm bạn đọc. Trong các phòng học nhóm có bảng từ, máy chiếu, màn chiếu và thiết bị âm thanh. Bên cạnh đó, Thư viện có phòng dành riêng cho bạn đọc là học viên thạc sĩ và nghiên cứu sinh; có 01 phòng bảo vệ luận văn, 01 phòng họp trực tuyến, 01 phòng mở chuyên tổ chức sự kiện, triển lãm sách. Hệ thống mạng LAN kết nối Internet tốc độ cao với 120 máy tính phục vụ tra cứu

Thư viện hiện có 165.517 bản sách và tài liệu với 15.927 đầu sách. Trên 3000 luận án, luận văn được số hóa và cập nhật lưu trữ trên cơ sở dữ liệu tài nguyên số của phần mềm Libol 6.0. Thư viện được kết nối chia sẻ sử dụng tài liệu số của dự án thư viện điện tử dùng chung cho các cơ sở Giáo dục Đại học ở Việt Nam khối các trường Kinh tế do Ngân hàng Thế giới (Worldbank) tài trợ. Website Thư viện đã tích hợp thư viện số với trên 1,4 triệu tài liệu đã mua bản quyền truy cập. *(thuvienso.hdu.edu.vn).*

4.5. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế/tham quan:

TT	Cơ quan/ Địa điểm
1	Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị xã hội
3	Đơn vị cấp xã, phường, thị trấn

V. Đề cương học phần

Học phần 1: Triết học/Philosophy

- Số tín chỉ: 04 (42 tiết lý thuyết, 36 tiết thảo luận)
- Mã học phần: 8THXH1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1: Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểmvề bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

Năng lực cần đạt được: Học viên có năng lực tư duy trừu tượng, hình thành được hệ giá trị của thế giới quan duy vật, có phương pháp luận khoa học khi phân tích, đánh giá các hiện tượng trong đời sống xã hội; có nhận thức đúng đắn về cơ sở lý luận chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; có khả năng vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận triết học Mác - Lênin để giải quyết vấn đề trong hoạt động thực tiễn của xã hội và bản thân.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Củng cố kiến thức triết học Mác – Lênin ở bậc đại học; mở rộng, nâng cao kiến thức về các nền triết học từ thời cổ đại đến hiện đại; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong quá trình lãnh đạo cách mạng và thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

- CO2: Học viên vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng để tiếp cận, giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo; nhận thức cơ sở lý luận của chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- CO3: Học viên có thái độ khách quan, phương pháp làm việc khoa học trong nghiên cứu và học tập; có lập trường tư tưởng, chính trị vững vàng; có lý tưởng sống đúng đắn theo định hướng của Đảng CSVN.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin. Khái quát hóa được những đặc điểm cơ bản của các nền triết học thế giới từ cổ đại đến hiện đại.

- CLO2: Học viên có năng lực tư duy trừu tượng, có khả năng khái quát hóa, hệ thống hóa tri thức triết học; vận dụng được kiến thức đã học vào việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo.

- CLO3: Học viên nhận thức được cơ sở lý luận chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; nhận thức đúng được vai trò của triết học trong đời sống xã hội, đặc biệt là trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

- CLO4: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có phương pháp làm việc khoa học; có tinh thần trách nhiệm, khách quan trong công việc.

- CLO5: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng, chính trị vững vàng; có niềm tin vào công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi sướng và lãnh đạo.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Khái luận về triết học (LT5, TH0, TL4)

1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

a) Triết học và đối tượng của triết học.

b) Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.

2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

a. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.

b) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.

c) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.

d) Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội

a) Triết học Mác – Lênin.

b) Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.

4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam

Chương 2: Bản thể luận (LT5, TH0, TL4)

1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây

a) Khái niệm bản thể luận.

b) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.

c) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.

2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin

a) Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.

b) Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

c) Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.

d) Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.

3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Mối quan hệ khách quan và chủ quan.

b) Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.

c) Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phép biện chứng (LT8, TH0, TL6)

1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử

2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

a) Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.

b) Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.

3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn

a) Những nguyên tắcphương pháp luận biện chứng duy vật

b) Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

Chương 4: Nhận thức luận (LT4, TH0, TL4)

1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức

2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng

a) Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

b) Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.

c) Biện chứng của quá trình nhận thức

d) Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội

4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Nội dung của nguyên tắc.

b) Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội (LT8, TH0, TL6)

1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại

2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

a) Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

b) Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

c) Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

d) Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam

b) Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Chương 6: Triết học chính trị (LT4, TH0, TL4)

1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học

a) Quan niệm của triết học ngoài mácxit về chính trị

b) Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.

c) Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.

2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội

a) Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

b) Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại

c) Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay

a) Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

c) Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

d) Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

Chương 7: Ý thức xã hội (LT4, TH0, TL4)

1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội

a) Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội

b) Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội

2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội

a) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

a) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

b) Một số vấn đề cơ bản của việc XDnền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

Chương 8: Triết học về con người (LT5, TH0, TL4)

1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử

a) Triết học phương Đông

b) Triết học phương Tây trước Mác

c) Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại

2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người

a) Khái niệm con người

b) Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

c) Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh

4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

a) Quan niệm triết học về nhân tố con người

b) Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x		
Vấn đáp		x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x

TL		x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần (20%)				
1	Tham gia lên lớp	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; chủ động chuẩn bị bài; tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	CLO1 CLO2,3	20%
2	Tham gia thảo luận	Rubric TL (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO2, 3, 4, 5	
Đánh giá thường xuyên (30%)				**30%**
1	Viết tiểu luận	Rubric tiểu luận (đánh giá tiểu luận)	CLO 2,3,4,5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và thảo luận; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; hoàn thành đúng hạn chủ đề thảo luận nhóm, bài viết tiểu luận và dự thi thi kết thúc học phần; có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn Lý luận Mác - Lênin (phòng 102A nhà A6).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học* (dành cho Cao học khối Khoa học xã hội và nhân văn), Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Nguyễn Hữu Vui (1997), *Lịch sử triết học,* Nxb CTQG, Hà Nội.

Học phần 2: Tiếng Anh/ English

- Số tín chỉ: 03 (27 tiết lý thuyết, 18 tiết thảo luận)
- Mã học phần: 8TH001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: NNVH&PPGD Tiếng Anh
- Điều kiện tiên quyết: Đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh bậc Đại học (bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo *Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT*)

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Củng cố kiến thức ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; mở rộng, nâng cao vốn từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn
- CO2: hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân; giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.
- CO3: Học viên có thái độ khách quan, phương pháp làm việc khoa học trong nghiên cứu và học tập; yêu thích môn tiếng Anh

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận biết và sử dụng vốn từ vựng ở trình độ B2; hệ thống hóa cấu trúc ngữ pháp trình độ B2
- CLO2: Xác định và vận dụng các kỹ thuật nghe hiểu: nghe hiểu từ khóa, nghe hiểu và nhận biết được các thông tin chính trong hội thoại và các thông tin trình bày trên đài, tivi
- CLO3: Xác định và vận dụng các cách thức giao tiếp trong khi nói: người học biết cách giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc, có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa, hiểu cách tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin cá nhân.
- CLO4: Xác định và vận dụng các chiến thuật đọc hiểu: khảo sát bài đọc trước khi đọc, đọc nhanh để tìm ý chính của bài đọc, đọc lướt để tìm các thông tin chi tiết, đoán

nghĩa của từ trong ngữ cảnh, đưa ra suy luận

- CLO5: Xác định và vận dụng các kỹ thuật Viết những dạng văn bản như văn miêu tả, thư cá nhân, văn kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử, hiểu và nhớ cách thức ghi truyền đạt thông tin, ý kiến về những chủ đề cụ thể.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: (2LT, 1TL)	- Bài 1 (GT): Bands and fands - Bài 1 (TLTK): Grammar: Present simple vs present continuous
Nội dung 2: (2LT, 1,5 TL)	- Bài 2 (GT): Relative values - Bài 17 (TLTK); -ing form infinitive - Bài 10 (GT): vocabulary: People and society
Nội dung 3: (2LT, 1TL)	- Bài 3 (GT): Things that matter - Bài 3 (TLTK): Grammar: Present perfect and past simple
Nội dung 4: (2LT, 1TL)	- Bài 4 (GT): Battling nature - Bài 7 (TLTK): Grammar: Articles
Nội dung 5: (2LT, 1,5TL)	- Bài 5 (GT): Eat your heart out! - Bài 7 (TLTK): Grammar: Coutable and uncountable nouns - Bài 16 (TLTK): Vocabulary: Food and drink
Nội dung 6: (2LT, 1,5TL)	- Bài 6 (GT): On camera - Bài 5 (TLTK): Future time - Bài 24 (TLTK): Vocabulary: Entertainment
Nội dung 7: (1LT, 1TL)	- Bài 7 (GT): A home from home - Bài 13 (TLTK): Grammar: Modal verbs - Kiểm tra giữa kì
Nội dung 8: (2LT, 1,5TL)	- Bài 8 (GT): Moving on - Bài 21 (TLTK): Grammar: Reported speech - Bài 28 (TLTK): Vocabulary: Work and Business
Nội dung 9: (2LT, 1,5TL)	- Bài 9 (GT): Lucky break? - Bài 9 (TLTK): Grammar: Conditionals (first, second, third) - Bài 4 (TLTK): Vocabulary: Hobbies, sport and games
Nội dung 10: (2LT, 1,5TL)	- Bài 10 (GT): Virtual friends - Bài 9 (TLTK): Grammar: Conditionals (inverted/unless, incase, as/so long as, provided that)
Nội dung 11: (2LT, 1TL)	- Bài 11 (GT): Living on the edge - Bài 9 (TLTK): Grammar: Conditionals (mixed)
Nội dung 12: (2LT, 1,5TL)	- Bài 12 (GT): Crime science - Bài 13 (TLTK): Grammar: Modal verbs (obligation, prohibition, and necessity)
Nội dung 13: (2LT, 1TL)	- Bài 13 (GT): Who are you again? - Bài 13 (TLTK): Grammar: Modal verbs (Abilities)
Nội dung 14: (2LT, 1,5TL)	- Bài 14 (GT): Say what you mean - Bài 6 (TLTK): Vocabulary: Science and technology

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x		
Vấn đáp		x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x
TL		x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Điểm chuyên cần (20%)				
1	Tham gia lên lớp	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; chủ động chuẩn bị bài; tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	CLO1, CLO2, CLO3	20%
2	Tham gia thảo luận	Rubric TL (đánh giá mức độ tham gia thảo luận)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
Đánh giá thường xuyên (30%)				**30%**
1	Viết tiểu luận	Rubric tiểu luận (đánh giá tiểu luận)	CLO 2,3,4,5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và thảo luận; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; hoàn thành đúng hạn chủ đề thảo luận nhóm, bài viết tiểu luận và dự thi thi kết thúc học phần; có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn NNVH&PPGD TA (phòng 207 nhà A7).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình

1. Jan Bell and Amanda Thomas (2005) *Gold First,* Pearsons

Tài liệu tham khảo

2. Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006) *Destination B2: Grammar and Vocabulary,* Macmillan Education

Học phần 3: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý/Scientific research methods in business and management

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3TK101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần bao gồm những lý luận chung về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, thảo luận và thực hành các bước trong quy trình nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, từ đó giúp học viên có được kiến thức, kỹ năng và ứng dụng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học (dành cho cấp học tương ứng) và thực hiện làm báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp theo chuyên ngành học tập. Ngoài ra, học phần còn giới thiệu cho người học những công cụ thống kê và các phần mềm sử dụng trong phân tích dữ liệu kinh tế. Cuối cùng, học phần giới thiệu quy định hiện hành về thủ tục đăng ký, làm báo cáo thực tập và đề án tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học và quy trình nghiên cứu khoa học của một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

- CO2: Học viên có được kỹ năng phát hiện và xác định vấn đề nghiên trong lĩnh vực chuyên ngành; thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý và phân tích dữ liệu thông qua phầm mềm thống kê SPSS; và kỹ năng trình bày, thuyết trình được một báo cáo nghiên cứu khoa học nói chung và báo cáo thực tập tốt nghiệp, đề án tốt nghiệp nói riêng.

- CO3: Học viên có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có

khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các bước trong quá trình nghiên cứu khoa học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và quy trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý, các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu trong các tình huống chuyên ngành cụ thể của học viên.
- CLO2: Có khả năng vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để phân tích, đánh giá và ra quyết định các vấn đề liên quan đến quá trình điều hành, tổ chức, quản lý doanh nghiệp và đơn vị công tác.
- CLO3: Có kỹ năng về phát hiện vấn đề nghiên cứu, kỹ năng sử dụng các công cụ thống kê, kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm trong thống kê, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý vào phân tích, đánh giá, giải quyết các nhiệm vụ thuộc quản trị điều hành, hoạt động kinh doanh, quản lý kinh tế và tài chính trong đơn vị.
- CLO4: Có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh và quản lý.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý ***(LT: 3, TH: 0, TL-BT: 3, Tự học: 15)***

1. Phương pháp nghiên cứu khoa học

1.1. Khái niệm về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học

1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

3. Nghiên cứu, xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học

3.1. Quy trình nghiên cứu xây dựng lý thuyết khoa học

3.2. Quy trình nghiên cứu kiểm định lý thuyết khoa học

3.3. Dữ liệu để xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học

Thảo luận: Xây dựng quy trình nghiên khoa học cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Chương 2: Xác định vấn đề nghiên cứu ***(LT: 3, TH: 0, TL-BT: 2, Tự học: 15)***

1. Vấn đề nghiên cứu

2. Ý tưởng, vấn đề, mục tiêu, câu hỏi và giả thiết nghiên cứu

3. Xác định vấn đề nghiên cứu

4. Xác định đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

4.2. Phạm vi nghiên cứu

5. Đặt tên đề tài nghiên cứu

Thảo luận: Xác định mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, giả thiết nghiên cứu và xác định tên đề tài nghiên cứu cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể.

Chương 3: Tổng quan tài liệu nghiên cứu và xây dựng khu lý thuyết *(LT: 3, TH: 0, TL – BT: 3, Tự học: 15)*

1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

1.1. Vai trò của tổng quan

1.2. Nội dung tổng quan

1.3. Các yêu cầu đối với phần tổng quan nghiên cứu

1.4. Một số kỹ năng khi tiến hành tổng quan

2. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu

2.1. Khái niệm, vai trò khung lý thuyết (mô hình) nghiên cứu

2.2. Xây dựng khung lý thuyết

Thảo luận: Thảo luận nhóm, xây dựng tổng quan tài liệu nghiên cứu cho 1 vấn đề nghiên cứu cụ thể, xây dựng khung nghiên cứu cho vấn đề nghiên cứu đó.

Chương 4: Phương pháp nghiên cứu *(LT: 5, TH: 0, TL-BT:4, Tự học: 20)*

1. Phương pháp nghiên cứu định tính

1.1. Khái niệm

1.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng

1.3. Đặc điểm của nghiên cứu định tính

1.4. Ví dụ về nghiên cứu định tính

2. Phương pháp nghiên cứu định lượng

2.1. Khái niệm

2.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng

2.3. Đặc điểm của nghiên cứu định lượng

2.4. Các khái niệm cơ bản trong mô hình định lượng

2.5. Ví dụ về nghiên cứu định lượng

3. So sánh giữa nghiên cứu định tính và định lượng

4. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp

4.1. Khái niệm

4.2. Mục tiêu và trường hợp áp dụng

4.3. Ví dụ về nghiên cứu hỗn hợp

Thảo luận: Thảo luận nhóm về các vấn đề nghiên cứu ứng dụng phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và hỗn hợp

Chương 5: Thu thập dữ liệu nghiên cứu *(LT: 4, TH: 0, TL-BT: 6, Tự học: 20)*

1. Phân loại dữ liệu nghiên cứu

2.1. Dữ liệu thứ cấp

2.2. Dữ liệu sơ cấp

2. Xác định nguồn dữ liệu

3. Dữ liệu và phương pháp thu thập dữ liệu định tính phổ biến

3.1. Bản chất dữ liệu trong nghiên cứu định tính

3.2. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính

3.3. Phương pháp phỏng vấn

3.4. Phương pháp thảo luận nhóm

3.5. Phương pháp nghiên cứu tình huống

4. Đo lường và thu thập dữ liệu định lượng

4.1. Đo lường và thang đo

4.2. Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng

4.3. Phương pháp điều tra chọn mẫu

4.4. Phương pháp xây dựng bảng câu hỏi

Thảo luận: Thảo luận nhóm và tiến hành thu thập dữ liệu nghiên cứu cho một vấn đề nghiên cứu cụ thể được lựa chọn cho mỗi nhóm.

Chương 6: Phân tích dữ liệu nghiên cứu ***(LT: 6, TH: 8, TL-BT: 6, Tự học: 30)***

1. Phân tích dữ liệu định tính

1.1. Khái niệm

1.2. Đặc điểm và nguyên tắc chung trong phân tích dữ liệu định tính

1.3. Mã hoá dữ liệu

1.4. Phương pháp KJ

2. Phân tích dữ liệu định lượng

2.1. Phương pháp tổng hợp số liệu điều tra

2.2. Phương pháp phân tích thống kê mô tả

2.3. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

2.4. Phân tích nhân tố

2.5. Phân tích tương quan

2.6. Phân tích hồi quy

2.7. Kiểm định

3. Một số mô hình dự báo trong kinh doanh và quản lý

Thảo luận và thực hành: Thảo luận nhóm tổng hợp dữ liệu nghiên cứu, sau đó tiến hành thực hành nhập dữ liệu, chạy kết quả nghiên cứu và phân tích kết quả nghiên cứu bằng phần mềm SPSS.

Chương 7: Trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý ***(LT: 3 , TH: 0, TL: 4, Tự học: 20)***

1. Các nguyên tắc chung khi viết một báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

2. Nội dung báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh doanh và quản lý

2.1. Phần mở đầu (giới thiệu)

2.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và khung lý thuyết nghiên cứu

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.5. Kết luận và kiến nghị

3. Quy định về làm đề án tốt nghiệp tại Trường Đại học Hồng Đức

3.1. Quy định về định dạng văn bản

3.2. Quy định về dung lượng đề án

3.3. Quy định về dẫn nguồn tài liệu và trình bầy tài liệu tham khảo

3.4. Trình bầy bảng, sơ đồ, đồ thị và hình trong đề án

4. Trình bày báo cáo nghiên cứu trước Hội đồng

4.1. Chuẩn bị (bài trình bầy, thiết kế slides)

4.2. Trình bầy và bảo vệ trước Hội đồng

Thảo luận: 1. Thảo luận và tiến hành viết đề cương nghiên cứu

2. Thiết kế và trình diễn slides đề cương nghiên cứu

5. Hình thức dạy – học

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**			
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**	**CLO4**
Thuyết trình	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	
Hoạt động nhóm	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO4	20%
Thi cuối kì (50%)				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực các hoạt động trên lớp; có đầy đủ học liệu phục vụ học

tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Nguyễn Văn Thắng (2019), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Nguyễn Đình Thọ (2014), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nxb Tài chính.

3. Trần Tiến Khai (2014*), Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Kiến thức cơ bản,* Nxb Lao động xã hội.

Học phần 4a: Kinh tế học quản lý (Managerial economics)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KT131
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế học quản lý là môn kinh tế học ứng dụng trong thực tiễn quản lý, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về các nguyên lý kinh tế vi mô như phân tích cung cầu, dự báo cầu, phân tích cấu trúc thị trường, lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược, phân tích rủi ro và các quyết định đầu tư… kết hợp với các công cụ phân tích của khoa học để đưa ra những quyết định thích hợp về sản xuất và giá cả trong những môi trường cạnh tranh khác nhau.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể vận dụng những lý thuyết kinh tế và những kỹ thuật định lượng vào phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp những vấn đề mà các nhà quản lý phải đối mặt trong phạm vi chức năng của tổ chức cũng như các chiến lược mà họ phải tính đến từ đó đưa ra những quyết định kinh doanh giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu với hiệu quả cao nhất.

- CO2: Học viên vận dụng kiến thức các công cụ kinh tế để hiểu và giải thích về hành vi kinh tế của các cá nhân và các doanh nghiệp trong thực tế bằng phương pháp

định tính và định lượng.

- CO3: Học viên có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, cấu trúc thị trường, tính toán được cách thức định giá tối ưu để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở và Phân tích được các tình huống ra quyết định trong một trò chơi cụ thể và lựa chọn được quyết định đầu tư tối ưu của doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn hoạt động kinh doanh bằng cách lựa chọn và ứng dụng những nguyên lý kinh tế phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

-CLO2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức các công cụ kinh tế để hiểu và giải thích về hành vi kinh tế của các cá nhân và các doanh nghiệp trong thực tế bằng phương pháp định tính và định lượng.

-CLO3: Vận dụng những kỹ thuật định lượng cơ bản vào việc phân tích, đánh giá và phát hiện vấn đề để hỗ trợ cho việc ra quyết định vào từng tình huống cụ thể.

-CLO4: Có kỹ năng tính toán, ước lượng được cầu, ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng những kiến thức về phân tích chi phí, doanh thu, lợi nhuận, cấu trúc thị trường, tính toán được cách thức định giá tối ưu để quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế mở.

- CLO5: Phân tích các tình huống ra quyết định trong một trò chơi cụ thể (game theary) và lựa chọn được quyết định đầu tư tối ưu của doanh nghiệp trong điều kiện rủi ro.

- CLO6: Có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm; năng lực quản lý, đánh giá và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế một cách khoa học và sáng tạo;

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về kinh tế quản lý (Lý thuyết 4; TH: 0; Thảo luận 4; Tự học 21)

1.1. Bản chất và phạm vi của kinh tế quản lý

1.1.1. Khái niệm kinh tế quản lý

1.1.2. Mối quan hệ của kinh tế quản lý với lý thuyết kinh tế

1.1.3. Mối quan hệ của kinh tế với các môn học về khoa học ra quyết định

1.2. Lý thuyết doanh nghiệp

1.2.1. Các loại hình doanh nghiệp

1.2.2. Vấn đề sở hữu và quản lý doanh nghiệp

1.2.3. Mục tiêu của các doanh nghiệp

1.3. Kỹ thuật tối ưu hóa

Chương 2: Phân tích cầu

(Lý thuyết 4; TH: 10; Thảo luận 4; Tự học 21)

2.1. Cầu và co dãn của cầu

2.1.1. Lý thuyết về cầu truyền thống

2.1.2. Phân tích độ co dãn của cầu

2.1.3. Sử dụng các hệ số co dãn của cầu trong việc ra quyết định quản lý

2.2. Ước lượng cầu

2.2.1. Các phương pháp marketing dùng để ước lượng cầu

2.2.2. Sử dụng phân tích hồi quy ước lượng cầu

2.3. Dự báo cầu

*** Nội dung thực hành:** Điều tra khảo sát thị trường kết hợp sử dụng phần mềm Excel, SPSS để ước lượng và dự báo cầu về lập cửa hàng mới, phát triển sản phẩm mới, xác định doanh thu…

Chương 3: Lựa chọn sản xuất tối ưu

(Lý thuyết 4; TH: 0; Thảo luận 4; Tự học 21)

3.1. Lý thuyết sản xuất

3.2. Lý thuyết chi phí

3.2.1. Bản chất của chi phí

3.2.2. Các chi phí trong ngắn hạn

3.2.3. Các chi phí trong dài hạn

3.2.4. Mối quan hệ giữa các chi phí ngắn hạn và dài hạn

3.3. Ước lượng hàm sản xuất và chi phí của doanh nghiệp

Chương 4: Cấu trúc thị trường và mức độ cạnh tranh

(Lý thuyết 4; TH:0; Thảo luận 4; Tự học 21)

4.1. Cạnh tranh hoàn hảo

4.2. Độc quyền

4.1.1. Độc quyền mua

4.1.2. Độc quyền bán

4.1.3. Định giá khi có thế lực thị trường

4.3. Cạnh tranh độc quyền

4.4. Độc quyền nhóm

Chương 5: Lý thuyết trò chơi và tư duy chiến lược

(Lý thuyết 7; TH: 0; Thảo luận 4; Tự học 21)

5.1. Giới thiệu

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Ý nghĩa của lý thuyết trò chơi trong hoạt động kinh doanh

5.2. Trò chơi dưới dạng chiến lược

5.2.1. Cân bằng Nash

5.2.2. Chiến lược ưu thế

5.2.3. Chiến lược maximin

5.3. Ứng dụng của lý thuyết trò chơi

Chương 6: Vai trò kinh tế của chính phủ - cơ hội và thách thức Đối với nhà quản lý (Lý thuyết 4; TH: 0; Thảo luận 6; Tự học 30)

6.1. Cơ sở lý thuyết về điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường

6.2. Điều tiết của Chính phủ trên thực tế

6.3. Hoạt động điều tiết cạnh tranh quốc tế

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	x
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x	x
Thực hành		x				
Hướng dẫn		x				
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x
Chuyên đề		x				x
Đồ án/Dự án		x				x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Viết cá nhân	Rubric đánh giá bài thi Viết	CLO1 CLO2 CLO3	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3	
3	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp thảo luận và thực hành thực tế (nếu có).	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO6	20%
Thi cuối kì (50%)				
1	Thi Viết	Rubric Đánh giá bài thi Viết	CLO 1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn Kinh tế (phòng 306B nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Tạ Đức Khánh (2012), *Giáo trình Kinh tế quản lý*, Nxb Giáo dục

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Nguyễn Ngọc Toàn (2020), *Một số chuyên đề kinh tế vi mô nâng cao,* Nxb ĐH Lý luận chính trị.

3. William Poundstone (2015), *Thế lưỡng nan của người tù*, Nxb LĐ-XH.

Học phần 4b. Quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập (State managementof the economy in the period of integration)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KT132
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kinh tế
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức chuyên sâu về Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT trong thời kỳ hội nhập

2. Mục tiêu học phần

-CO1: Học viên có thể vận dụng những lý thuyết về các công cụ, chức năng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn hoạt động quản lý của các tổ chức, đơn vị.

- CO2: Học viên vận dụng kiến thức về phân tích xử lý thông tin trong ra quyết định trong quản lý kinh tế trong bối ảnh hội nhập để hiểu và ra quyết định có hiệu quả trong các công tác quản lý.

- CO3: Học viên vận dụng kiến thức về chất lượng nguồn nhân lực của cán bộ

quản lý nhà nước, từ đó đánh giá đúng được phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản lý nhà nước đáp ứng thời kỳ hội nhập phục vụ cho công tác quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

-CLO1: Hiểu lý thuyết về các nguyên tắc, công cụ, và chức năng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

-CLO2: Phân tích được các chính sách quản lý kinh tế, Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế

-CLO3: Thành thạo các kỹ năng trong xử lý để ra quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế

-CLO4: Biết sử dụng được 1 số công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế trong đơn vị ngành, địa phương.

-CLO5: Đánh giá đúng được về phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản lý nhà nước đáp ứng thời kỳ hội nhập

-CLO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về quản lý nhà nước về kinh tế

(Lý thuyết 4; Thực hành 0; Thảo luận 4; Tự học 18)

1.1. Sự cần thiết khách quan của Quản lý Nhà nước về kinh tế

1.1.1. Nhà nước

1.1.2. Quản lý nhà nước về kinh tế

1.1.3. Quản lý Nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay

1.2. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu môn học

1.2.1. Đối tượng môn học

1.2.2. Nội dung nghiên cứu môn học

1.2.3. Phương pháp nghiên môn học

1.3. Quản lý Nhà nước về kinh tế xét trên quan điểm hệ thống

1.3.1. Tổng quan về lý thuyết hệ thống trong quản lý về kinh tế

1.3.2. Ứng dụng quan điểm hệ thống trong Quản lý Nhà nước về kinh tế

Chương 2: Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế

(Lý thuyết 4; Thực hành 0; Thảo luận 4; Tự học 18)

2.1. Quy luật

2.1.1. Định nghĩa về quy luật

2.1.2. Tính khách quan của quy luật

2.1.3. Đặc điểm của các quy luật kinh tế

2.1.4. Cơ chế vận dụng các quy luật

2.1.5. Các loại quy luật

2.1.6. Cơ chế quản lý kinh tế

2.2. Các nguyên tắc Quản lý Nhà nước về kinh tế

Chương 3: Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

(Lý thuyết 3; Thực hành 0; Thảo luận 4; Tự học 17)

3.1. Công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.1.1. Khái niệm về công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.1.2. Pháp luật

3.1.3. Kế hoạch

3.1.4. Chính sách

3.1.5. Tài sản quốc gia

3.1.6. Vận dụng các công cụ Quản lý Nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

3.2. Phương pháp Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.2.1. Khái niệm về phương pháp Quản lý Nhà nước về kinh tế

3.2.2. Phương pháp hành chính

3.2.3. Phương pháp kinh tế

3.2.4. Phương pháp giáo dục

3.2.5. Vận dụng các phương pháp quản lý của Nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

Chương 4: Mục tiêu và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

(Lý thuyết 4; Thực hành 0; Thảo luận 4; Tự học 18)

4.1. Mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế

4.1.1. Tổng quan về mục tiêu quản lý nhà nước về kinh tế

4.1.2. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế

4.1.3. Mục tiêu ổn định kinh tế

4.1.4. Mục tiêu công bằng kinh tế

4.2. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

4.2.1. Tổng quan về chức năng quản lý nhà nước về kinh tế

4.2.2. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động

4.2.3. Các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo giai đoạn tác động

Chương 5: Thông tin và quyết định trong quản lý nhà nước về kinh tế

(Lý thuyết 4; Thực hành 0; Thảo luận 4; Tự học 18)

5.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế

5.1.1. Khái niệm chung về thông tin

5.1.2. Vai trò của thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế

5.1.3. Các yêu cầu đối với thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế

5.1.4. Các loại thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế

5.1.5. Hệ thống thông tin quản lý (MIS)

5.2. Quyết định quản lý nhà nước về kinh tế

5.2.1. Khái niệm

5.2.2. Các loại hình quyết định quản lý nhà nước

5.2.3. Yêu cầu đối với quyết định quản lý nhà nước

5.2.4. Căn cứ ra quyết định

5.2.5. Quá trình quyết định

5.2.6. Phương pháp và kỹ thuật quyết định

5.3. Văn bản quản lý Nhà nước

5.3.1. Khái niệm về văn bản quản lý Nhà nước

5.3.2. Các chức năng cơ bản của văn bản

5.3.3. Vai trò của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan Nhà nước

5.3.4. Các loại hình văn bản Nhà nước

Chương 6: Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

(Lý thuyết 4; Thực hành 0; Thảo luận 3; Tự học 19)

6.1. Khái niệm và hình thức tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

6.1.1. Bộ máy nhà nước và các cơ quan Nhà nước

6.1.2. Hình thức tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế ở Việt Nam hiện nay

6.1.3. Bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

6.2. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

6.2.1. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước về kinh tế

6.2.2. Các mô hình bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế

6.2.3. Quá trình xây dựng cơ cấu bộ máy quản ký nhà nước về kinh tế

6.3. Cơ cấu bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế

6.3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước ở Trung ương

6.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương

Chương 7: Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

(Lý thuyết 4; Thực hành 0; Thảo luận 4; Tự học 17)

7.1. Tổng quan về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.1. Khái niệmvề cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.2. Phân loại cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế

7.1.3. Vai trò của cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

7.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế trong thời kỳ hội nhập

7.3. Thực trạng và phương hướng đổi mới công tác cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.

7.3.1. Thực trạng độ ngũ cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam

7.3.2. Phương hướng đổi mới cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập

Chương 8: Thực tế các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế theo tính chất tác động

(Lý thuyết 0; Thực hành 8; Thảo luận 1; Tự học 10)

8.1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

8.2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế

8.3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu và viết thu hoạch thực tế

8.4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế (Tìm hiểu thực tế về chức năng quản lý nhà

nước về kinh tế theo tính chất tác động, trong đó chủ yếu đi sâu tìm hiểu về tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động SXKD, chức năng đảm bảo hạ tầng cho phát triển…)

8.5. Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x					
Hướng dẫn	x					
Hoạt động nhóm	x		x		x	x
Nghiên cứu tình huống			x			x
Chuyên đề	x	x				x
Đồ án/Dự án	x					x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Viết cá nhân	Rubric đánh giá bài thi Viết	CLO1	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO3	
3	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2	
Đánh giá chuyên cần (20%)				
	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp thảo luận và thực hành thực tế (nếu có).	Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO6	20%
Thi cuối kì (50%)				
	Thi Viết	Rubric Đánh giá bài thi Viết	CLO 1,2,3,4,5,6	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn Kinh tế (phòng 306B nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Phan Huy Đường (2017), *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân

2. Thái Thị Kim Oanh (2020), *Giáo trình Phân tích chính sách kinh tế- xã hội*, Nxb Đại học Vinh.

3. Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2020), *Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế,* Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân

Học phần 5a: Chính sách và nghiệp vụ thuế/Tax policy and practice

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3TC103
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về thuế và quản lý thuế tại Việt Nam hiện nay. Trong đó tập trung vào nội dung quản lý một số sắc thuế cơ bản như Thuế giá trị gia tăng, Thuế xuất nhập khẩu, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về các quy định như đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, đối tượng nộp thuế.

CO2: Học viên hiểu rõ các nội dung quản lý thuế tại Việt Nam hiện nay: đăng ký; kê khai, tính thuế; nộp thuế; ấn định thuế; kiểm tra thanh tra thuế, ấn định thuế, cưỡng chế thi hành quyết định chính sách thuế. Nội dung quản lý các sắc thuế cụ thể như: thuế GTGT, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp.

CO3: Học viên vận dụng được các phương pháp tính thuế đã được học. Đủ khả năng tính, kê khai, nộp, quyết toán thuế vào ngân sách Nhà nước. Vận dụng các kiến thức

đã học giải quyết các tình huống thuế diễn ra ngoài thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được các quy định về các sắc thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN để xử lý các tình huống về thuế diễn ra trong thực tiễn.
- CLO2: Thành thạo trong việc tính, kê khai, nộp quyết toán các loại thuế GTGT, TTĐB, XNK, TNDN ở các đơn vị và doanh nghiệp.
- CLO3: Nắm vững nội dung quản lý các sắc thuế hiện hành để người học có khả năng thực hiện công việc quản lý tại các cơ quan thuế và doanh nghiệp.
- CLO4: Tác phong khoa học, chuyên cần; tự tin trong giao tiếp và làm việc.

4. Nội dung chi tiết học phần

Chuyên đề 1: Những vấn đề cơ bản về thuế (LT3; TL5)

1.1. Lịch sử hệ thống thuế

1.2. Khái niệm và đặc điểm của thuế

1.3. Chức năng của thuế

1.4. Phân loại thuế

1.5. Các yếu tố cấu thành một sắc thuế

1.6. Quá trình đổi mới hệ thống thuế tại Việt Nam

Chuyên đề 2: Quản lý thuế (LT4; TL6)

2.1. Những vấn đề chung về quản lý thuế

2.2. Nội dung quản lý thuế tại Việt Nam

2.3. Dịch vụ thuế và tư vấn thuế

Chuyên đề 3: Quản lý thuế giá trị gia tăng (LT 6, TL6)

3.1. Những vấn đề chung về thuế GTGT

3.2. Nội dung cơ bản của quản lý thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam

3.3 Vận dụng kiến thức về quản lý thuế GTGT trong thực tiễn.

Chuyên đề 4: Quản lý thuế tiêu thụ đặc biệt (LT4, TL6)

4.1. Những vấn đề chung về thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)

4.2. Nội dung cơ bản quản lý thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam

4.2 Vận dụng kiến thức về quản lý thuế TTĐB trong thực tiễn

Chuyên đề 5: Quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (LT4, TL6)

5.1. Giới thiệu chung về thuế xuất khẩu, nhập khẩu

5.2. Nội dung cơ bản quản lý thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành ở Việt Nam

5.3 Vận dụng kiến thức về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong thực tiễn

Chuyên đề 6: Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp (LT6, TL7)

6.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

6.2. Nội dung cơ bản quản lý thuế TNDN hiện hành ở Việt Nam

6.3 Vận dụng kiến thức về quản lý thuế TNDN trong thực tiễn.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x		x	x
Vấn đáp	x			x
Tự học	x	x	x	
TL	x		x	
Thực hành		x		
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm		x	x	x
Nghiên cứu tình huống			x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân	Rubric bài tập	CLO1, CLO2, CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1, CLO3, CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ				**20%**
1	Bài tập	Rubrics bài tập	CLO1,2	
Thi cuối kì				**50%**
1	Thi tự luận	Rubrics Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ lý thuyết, dự các tiết thảo luận, thực hành (có hướng dẫn của giảng viên), hoàn thành bài tập nhóm, có đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu tham dạy học:

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Lê Hoằng Bá Huyền, Nguyễn Thị Bất (2016), *Chính sách và nghiệp vụ Thuế*, Nxb Lao động.

2. Lê Hoằng Bá Huyền và các cộng sự (2016), *Câu hỏi và bài tập thuế*, Nxb Lao động.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

3. Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Thuế*, Nxb Tài chính.

Học phần 5b: Quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại (Modern corporate finance management).

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QK238
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: TCNH
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung chính về những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp trong công ty cổ phần, đó là dự toán vốn đầu tư, rủi ro và lợi nhuận, chính sách cổ tức, cơ cấu vốn và chi phí vốn, quản trị tài sản ngắn hạn và những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể thành thạo phân tích đánh giá những vấn đề liên quan đến việc dự toán vốn đầu tư; nguồn tài trợ và cơ cấu nguồn tài trợ như thế nào; và những quyết định liên quan đến quản lý hoạt động tài chính trong ngắn hạn cũng như những vấn đề liên quan đến sáp nhập, mua lại doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.

- CO2: Học viên hình thành tư duy và xây dựng được phong cách quản trị; học viên biết cách tư duy sáng tạo, tư duy phản biện.

- CO3: Học viên có khả năng quản trị tài chính doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp. học viên phân tích được vấn đề và ra các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp theo đúng quy trình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá và vận dụng được các kiến thức về quản trị về tạo lập vốn, sử dụng vốn và phân phối vốn đối với công ty cổ phần

- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp trong công ty cổ phần

- CLO3: Có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp

- CLO4: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề và ra được các quyết định quản trị tài chính doanh nghiệp một cách hiệu quả.

- CLO5: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh

đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Những vấn đề cơ bản của tài chính doanh nghiệp ***(LT:4, BT:0, TL:2)***

1.1. Những vấn đề chính của quản lý tài chính

1.2. Vai trò của nhà quản trị tài chính

1.3. Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp

1.4. Các báo cáo tài chính và dòng tiền

Nội dung 2: Dự toán vốn đầu tư ***(LT: 5, BT: 4, TL: 2)***

2.1. Các phương pháp ra quyết định

2.2. Xác định dòng tiền của dự án

2.3. Phân tích rủi ro

2.4. Dự toán vốn trong điều kiện có lạm phát

Nội dung 3: Rủi ro và lợi nhuận ***(LT: 4, BT:5, TL: 2)***

3.1. Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

3.2. Rủi ro

3.3. Đa dạng hóa rủi ro

Nội dung 4: Chính sách cổ tức ***(LT: 4, BT:3, TL: 2)***

4.1. Các hình thức chi trả cổ tức

4.2. Những vấn đề cần xem xét khi ra quyết định về cổ tức

4.3. Chính sách cổ tức

4.4. Tách, gộp, mua lại cổ phiếu

Nội dung 5: Cơ cấu vốn và chi phí vốn ***(LT: 4, BT: 4, TL: 2)***

5.1. Khái niệm cơ cấu vốn

5.2. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn tối ưu

5.3. Một số lý thuyết khác về cơ cấu vốn

5.4. Chi phí vốn

Nội dung 6: Quản trị tài sản ngắn hạn ***(LT: 3, BT:4, TL: 2)***

6.1. Quản trị tiền mặt

6.2. Quản trị các khoản phải thu

6.3. Quản trị tồn kho

Nội dung 7: Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp ***(LT: 3, BT: 0, TL: 4)***

7.1. Các hình thức pháp lý của M&A

7.2. Động cơ cho M&A

7.3. Sách lược phòng thủ chống thâu tóm doanh nghiệp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x

Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2,3	
2	Bài tập	Rubric bài tập	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn TCNH (phòng 306 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình chính

1.Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, Nxb Đại học KTQD

Tài liệu tham khảo

2.Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2015), *Giáo trình tài chính Doanh nghiệp*, Nxb Tài chính

3. Eugene F. Brigham, Joel F. Houston (2009), *Quản trị tài chính*, Cengage Learning Asia Ltd (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh dịch)

Học phần 6a: Lãnh đạo và quản lý (Leadership and Management)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QT204
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu, cập nhật về bản chất, năng lực lãnh đạo và quản lý; các cách thức rèn luyện kiến thức, kỹ năng, phẩm chất thái độ cần có để trở thành nhà lãnh đạo, quản lý hiệu quả. Cụ thể tập trung vào các nội dung tầm nhìn, truyền cảm hứng, tạo động lực, giao tiếp và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng quản lý tài chính, nhân sự, quản trị nhóm, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong tổ chức.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Vận dụng thành thạo kiến thức về lãnh đạo và quản lý vào trong thực tiễn hoạt động điều hành của tổ chức, doanh nghiệp.

- CO2: Xây dựng được tầm nhìn chiến lược cho tổ chức trong ngắn và dài hạn; Biết cách truyền cảm hứng và tạo động lực trong quản trị nhân sự và quản trị nhóm hiệu quả. Xác định vấn đề và ra quyết định điều hành tổ chức, doanh nghiệp hiệu quả.

- CO3: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc. Tự tin và khoa học trong thực hiện các nhiệm vụ lãnh đạo và quản lý.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu, phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa lãnh đạo và quản lý; vận dụng thành thạo kiến thức về lãnh đạo và quản lý vào trong thực tiễn hoạt động điều hành của tổ chức, doanh nghiệp.

- CLO2: Thành thạo các kỹ năng quản lý và lãnh đạo như xây dựng tầm nhìn chiến lược, truyền cảm hứng, tạo động lực trong quản trị nhân sự và quản trị nhóm hiệu quả. Xác định được vấn đề và ra quyết định điều hành tổ chức, doanh nghiệp.

- CLO3: Biết cách lắng nghe và giao tiếp hiệu quả; tự tin thuyết trình trước tập thể và điều hành tổ chức cuộc họp hiệu quả.

- CLO4: Hình thành các phẩm chất cần thiết của nhà lãnh đạo và quản lý, từ đó vận dụng trong quá trình công tác thực tiễn; Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về lãnh đạo và quản lý *(LT4: TL4:TH20)*

1.1 Tổng quan về lãnh đạo

1.1.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo

1.1.2. Năng lực lãnh đạo

1.1.3. Phương pháp lãnh đạo

1.1.4. Phong cách lãnh đạo

1.2. Tổng quan về quản lý

1.2.1. Khái niệm và vai trò của quản lý

1.2.2 Năng lực quản lý

1.2.3. Phương pháp quản lý

1.2.4. Các cấp quản lý trong tổ chức

1.3. Lịch sử phát triển khoa học lãnh đạo và quản lý

1.3.1. Các quan điểm lãnh đạo

1.3.2. Các trường phái quản lý

1.4. Sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản lý

Chương 2: Kiến thức lãnh đạo và quản lý *(LT4:TL4:TH20)*

2.1. Kiến thức chung

2.1.1. Kiến thức về môi trường vĩ mô

2.12. Kiến thức về môi trường vi mô

2.2. Kiến thức chuyên môn

2.2.1. Kiến thức về quản trị nhân sự

2.2.2. Kiến thức về quản trị tổ chức

2.3. Phương pháp nâng cao kiến thức lãnh đạo & quản lý

2.3.1. Tự đánh giá năng lực kiến thức

2.3.2. Quá trình tự học hỏi nâng cao kiến thức

Chương 3: Kỹ năng lãnh đạo *(LT8:TL10:TH35)*

3.1 Kỹ năng xây dựng tầm nhìn và truyền cảm hứng

3.1.1. Kỹ năng xây dựng tầm nhìn

3.1.2. Kỹ năng truyền cảm hứng

3.2. Kỹ năng tạo động lực

3.2.1. Khái niệm và vai trò của tạo động lực

3.2.2. Các học thuyết tạo động lực

3.2.3. Phương pháp tạo động lực

3.3. Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình

3.3.1. Kỹ năng giao tiếp

3.3.2. Kỹ năng thuyết trình

3.4. Kỹ năng quản trị sự thay đổi và giải quyết xung đột

3.4.1. Kỹ năng quản trị sự thay đổi

3.4.2. Kỹ năng quản trị xung đột

3.5. Kỹ năng quản trị cảm xúc

3.5.1. Khái niệm và vai trò của quản trị cảm xúc

3.5.2. Cách thức quản trị cảm xúc

Chương 4: Kỹ năng quản lý *(LT8:TL8:TH35)*

4.1. Kỹ năng quản lý nhân sự

4.1.1. Kỹ năng thu hút và giữ chân nhân tài

4.1.2. Kỹ năng đánh giá nhân sự

4.1.3. Kỹ năng quản trị nhóm làm việc

4.1.4. Kỹ năng quản trị thành viên cá biệt

4.2. Kỹ năng quản lý tổ chức

4.2.1. Kỹ năng xây dựng kế hoạch

4.2.2 Kỹ năng giải quyết vấn đề

4.2.3. Kỹ năng ra quyết định

4.2.4. Kỹ năng tổ chức cuộc họp

Chương 5: Phẩm chất lãnh đạo và quản lý *(LT3:TL4:TH15)*

5.1. Khái niệm và vai trò của phẩm chất lãnh đạo và quản lý

5.1.1. Khái niệm phẩm chất lãnh đạo

5.1.2. Vai trò của phẩm chất lãnh đạo

5.2. Những phẩm chất cần có để trở nhà nhà lãnh đạo hiệu quả

5.2.1. Tự tin

5.2.2. Thông minh sáng tạo

5.2.3. Tầm nhìn

5.2.4. Chấp nhận rủi ro và chịu trách nhiệm

5.3. Những phẩm chất cần có để trở thành nhà quản lý tài giỏi

5.3.1. Bao quát toàn diện

5.3.2. Kỷ luật

5.3.3. Kiên nhẫn…

5.4. Phương pháp rèn luyện phẩm chất lãnh đạo và quản lý

Chương 6: Thực hành thực tế về kỹ năng lãnh đạo và quản lý

(LT0: Thực hành 8:TH10)

6.1. Lựa chọn địa điểm học thực hành thực tế

6.2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế

6.3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu

6.4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế

6.5. Tổng kết bài học thực tiễn và viết bài thu hoạch (theo nhóm).

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x	x
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
Đánh giá thường xuyên (20%)				20%
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,3,4	
Thi cuối kì (50%)				50%

1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn:

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện. Nhà trường tạo điều kiện hồ sơ thủ tục cho học viên được đi thực hành thực tế ngoài trường.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

2. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Khoa học lãnh đạo*, Nxb Lý luận chính trị.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

3. John C. Maxwell (2012), *Phát triển kỹ năng lãnh đạo* (Developing the Leader witthin You), Nxb Lao động-Xã hội.

4. Nguyễn Bá Dương (2015), *Khoa học lãnh đạo Lý thuyết và Kỹ năng,* Nxb Lý luận chính trị.

5. Loren B. Belker Gary STopchik (2016), *The first – time manager*, Nxb Lao động – Xã hội.

Học phần 6b: Quản trị chiến lược trong tổ chức (Strategic management in the organization)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QT202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức về lý thuyết và kỹ năng cần thiết phục vụ điều hành, quản trị doanh nghiệp như: Tổng quan về chiến lược; Xác định nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của tổ chức; Phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh của doanh nghệp; Xây dựng chiến lược cho tổ chức; Tổ chức thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp các công cụ để hỗ trợ thực hành trong việc xây dựng chiến lược của các tổ chức như ma trận SWOT, Ma trận IE-FE, Ma trận BCG, ma trận McKinsey…

Năng lực cần đạt được:

Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức; có thể xác định được các bước để xây dựng chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản trị chiến lược để đánh giá chiến lược của tổ chức vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.
- CO2: có thể xác định được các bước để xây dựng chiến lược và vận dụng các công cụ để xây dựng và lựa chọn chiến lược cho một tổ chức cụ thể đáp ứng nhu cầu phát triển trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng
- CO3: Học viên xây dựng, tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược phù hợp với bối cảnh thực tế

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Xác định được qui trình xây dựng chiến lược, Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược của tổ chức và mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này đến chiến lược của tổ chức
- CLO2: Xác định được các yếu tố bên trong và bên ngoài tổ chức ảnh hưởng đến việc xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược
- CLO3: Hiểu được đặc điểm của các chiến lược mà tổ chức có thể áp dụng
- CLO4: Phân tích môi trường và lựa chọn các chiến lược phù hợp với đặc điểm của tổ chức
- CLO5: Có khả năng tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược của tổ chức phù hợp với điều kiện của DN
- CLO6: Có tinh thần ham học hỏi và khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề lãnh đạo và quản lý để tiếp tục hoàn thiện, phát triển năng lực phục vụ công việc.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về chiến lược và quản trị chiến lược

(LT5:TL6: Tự học: 25)

1.1. Bản chất của quản trị chiến lược và giá trị của nó

1.1.1. Định nghĩa về quản trị chiến lược

1.1.2. Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong quản trị chiến lược

1.1.3. Ý nghĩa của quản trị chiến lược

1.1.4. Các qui trình quản trị chiến lược

1.2. Nhiệm vụ và Mục tiêu chiến lược kinh doanh

1.2.1. Xác định nhiệm vụ doanh nghiệp

1.2.2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp

Chương 2: Phân tích đánh giá môi trường kinh doanh của Doanh nghiệp

(LT5; TL10; Tự học: 30)

2.1. Phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài DN

2.1.1. Môi trường kinh tế

2.1.2. Môi trường công nghệ

2.1.3. Môi trường văn hoá

2.1.4. Môi trường tự nhiên

2.1.5. Môi trường chính phủ, luật pháp và chính trị

2.1.6. Môi trường toàn cầu

2.2. Phân tích môi trường ngành

2.2.1. Phân tích đối thủ cạnh tranh hiện tại

2.2.2. Phân tích cạnh tranh tiềm ẩn

2.2.3. Phân tích nhà cung ứng

2.2.4. Phân tích khách hàng

2.2.5. Sản phẩm thay thế

2.2.6. Các nhóm chiến lược trong các ngành

2.3 Phân tích đánh giá nội bộ doanh nghiệp, xác định các điểm mạnh và yếu

2.3.1. Đánh giá công tác quản trị

2.3.2. Công tác Marketing

2.3.3. Thực trạng công tác tài chính, kế toán

2.3.4. Công tác sản xuất và tác nghiệp

2.3.5. Đánh giá công tác nghiên cứu và phát triển (R&D)

2.3.6. Hệ thống thông tin

Chương 3: Phân tích và lựa chọn chiến lược

(LT8; Thực hành 10; Tự học: 30)

3.1. Các kỹ thuật phân tích và định hướng chiến lược doanh nghiệp

3.1.1. Kỹ thuật phân tích Thế mạnh- Điểm yếu- Cơ hội và Nguy cơ (SWOT)

3.1.2. Ma trận đánh giá yếu tố bên trong và bên (Ma trận I-E)

3.2. Lựa chọn chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

3.2.1. Các căn cứ lựa chọn chiến lược

3.2.2. Phương pháp đánh giá các phương án chiến lược

3.2.3. Yêu cầu khi lựa chọn chiến lược

3.2.4. Các mô hình lựa chọn chiến lược kinh doanh

Chương 4: Tổ chức thực hiện chiến lược

(LT: 5; TL: 5; Tự học: 30)

4.1. Thực chất và ý nghĩa của việc tổ chức thực hiện chiến lược

4.1.1. Thực chất của công tác tổ chức thực hiện chiến lược

4.1. 2. Vai trò và ý nghĩa của tổ chức thực hiện chiến lược

4.1.3. Yêu cầu

4.2. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược

4.2.1. Thiết lập mục tiêu hàng năm

4.2.2. Đảm bảo các nguồn lực cho thực hiện chiến lược

4.2.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức gắn với việc thực hiện chiến lược

4.2.4. Triển khai thực hiện chiến lược và các hoạt động điều chỉnh

4.2.5. Đánh giá việc thực hiện chiến lược

4.3. Hệ thống chính sách và kế hoạch hỗ trợ thực hiện chiến lược

4.3.1. Hệ thống chính sách hỗ trợ

4.3.2. Kê hoạch hoạt động

4.4. Lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược

4.4.1. Lựa chọn cơ cấu tổ chức gắn liền với thực hiện chiến lược

4.4.2. Các căn cứ lựa chọn cơ cấu tổ chức nhằm thực hiện chiến lược

4.4.3. Yêu cầu lựa chọn cơ cấu tổ chức phù hợp với việc thực thi chiến lược

Chương 5: Đánh giá và điều chỉnh chiến lược

(LT: 4; TL:5; Tự học: 20)

5.1. Mục đích của kiểm tra và điều chỉnh chiến lược

5.1.1. Mục đích chung của công tác kiểm tra, đánh giá chiến lược

5.1.2. Vị trí của công tác kiểm tra, đánh giá

5.1.3. Các yêu cầu đối với công tác kiểm tra và đánh giá chiến lược

5.2. Các tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá

5.2.1. Các loại tiêu chuẩn

5.2. 2. Tính chất của các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá chiến lược

5.3. Hệ thống thông tin kiểm tra và đánh giá chiến lược

5.3.1. Các hình thức kiểm tra, đánh giá chiến lược và hệ thống thông tin

5.3.2. Bảo đảm cơ sở thông tin cho kiểm tra và đánh giá chiến lược

5.4. Đánh giá và điều chỉnh chiến lược

5.4.1. Quá trình đánh giá chiến lược

5.4.2. Điều chỉnh chiến lược

5.4.3. Cơ cấu doanh nghiệp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	x
Tự học	x	x	x	x		x
TL		x	x	x		x
Thực hành					x	
Hướng dẫn						
Hoạt động nhóm		x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)				
1	Trắc nghiệm		CLO1	30%
			CLO2	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO6	
3	Thuyết trình BT nhóm Hoạc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubric thuyết trình	CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
4	Điểm chuyên cần	Mức độ chuyên cần		
Đánh giá thường xuyên (20%)				
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	**1**	
Thi cuối kì				50%
1	Thi viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với người học

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Ngô Kim Thanh (2015), *Giáo trình Quản trị chiến lược,* Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Liam Fahey & Robert M. Randall (2009), *MBA trong tầm tay chủ đề Quản lý chiến lược*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

3.Ngô Kim Thanh, Lê Minh Tâm (2009), *Bài tập quản trị Chiến lược*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân

Học phần 7a: Hành vi tổ chức (Organizational behavior)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QT205
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu thái độ và hành vi của người lao động trong tổ chức, nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong việc phát huy nguồn lực con người. Học phần làm rõ cơ sở hành vi cá nhân, việc ra quyết định của một cá nhân, vấn đề động lực làm việc của người lao động; cơ sở hành vi nhóm; Lãnh đạo và quyền lực, Giao tiếp trong tổ chức, Xung đột và đàm phán. Bên cạnh đó các vấn đề về tổ chức cũng được đề cập rõ như Cơ cấu tổ chức, Văn hóa tổ chức, Đánh giá và kiểm soát trong tổ chức, Quản lý sự thay đổi và phát triển tổ chức, Quản lý căng thẳng trong công việc.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có thể vận dụng thành thạo các kiến thức về hành vi tổ chức vào quá trình điều hành quản trị doanh nghiệp vào trong quá trình điều hành đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay.
- CO2: Học viên hình thành tư duy và ra được các quyết định đúng đắn dựa vào việc hiểu và kiểm soát được các hành vi cá nhân trong quản trị nhân sự của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực thông qua việc áp dụng các học thuyết tạo động lực, giao tiếp và giải quyết các xung đột trong doanh nghiệp
- CO3: Học viên đề xuất được các ý tưởng sáng tạo trong quản trị hành vi và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về hành vi tổ chức vào quá trình điều hành quản trị doanh nghiệp.

- CLO2: Ra được các quyết định đúng đắn dựa vào việc hiểu và kiểm soát được các hành vi cá nhân trong quản trị nhân sự của doanh nghiệp.

- CLO3: Nâng cao hiệu quả quản trị nhân lực thông qua việc áp dụng các học thuyết tạo động lực, giao tiếp và giải quyết các xung đột trong doanh nghiệp.

- CLO4: Đề xuất được các ý tưởng sáng tạo trong quản trị hành vi và bảo vệ được ý tưởng đó bằng các lập luận logic, khoa học.

- CLO5: Phân tích được nguồn gốc, nguyên nhân của vấn đề trong doanh nghiệp liên quan đến hành vi của tổ chức và ra được các quyết định quản trị doanh nghiệp

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về hành vi tổ chức ***(LT 3; TL 2; Tự học 15)***

I. Hành vi tổ chức và vai trò của hành vi tổ chức

1. Hành vi tổ chức

2. Vai trò của hành vi tổ chức

II. Chức năng của hành vi tổ chức

1. Chức năng giải thích

2. Chức nưng dự đoán

3. Chức năng kiểm

III. Quan hệ giữa hành vi tổ chức và các khoa học khác

IV. Hành vi tổ chức với những thách thức và cơ hội của tổ chức

Chương 2: Hành vi cá nhân và ra quyết định ***(LT 4; TL 4; Tự học 25)***

I. Cơ sở của hành vi cá nhân

1. Thái độ

2. Tính cách

3. Nhận

4. Học hỏi

II. Ra quyết định cá nhân

1. Quá trình ra quyết định

2. Ra quyết định cá nhân trên thực

3. Nâng cao tính sáng tạo trong việc ra quyết định cá nhân

4. Nâng cao hiệu quả ra quyết định

Chương 3: Tạo động lực cho người lao động ***(LT 4; TL 4; Tự học 25)***

I. Động lực của cá nhân trong tổ chức

1. Khái niệm về động lực cá nhân

2. Các nhân tố ảh hưởng đến động lực cá nhân

II. Các học thuyết tạo động lực cá nhân trong tổ chức

1. Thuyết X và thuyết

2. Học thuyết hai yếu tố Herzbezg

3. Học thuyết ba nhu cầu (MC Clelland)
4. Học thuyết kỳ vọng (Victo Vroom)
5. Học thuyết công bằng (J. Stacy Adam)

II. Tạo động lực trong các tổ chức ở Việt Nam

1. Những vấn đề đặt ra trong tạo động lực
2. Vận dụng các học thuyết tạo động
3. Các chương trình quản lý nhằm tạo động lực

Chương 4: Hành vi nhóm lãnh đạo và quyền lực ***(LT 4; TL 4; Tự học 34)***

I. Cơ sở của hành vi nhóm

1. Khái niệm và phân loại nhóm
2. Lý do và các giai đoạn hình thành, phát triển nhóm
3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi cá nhân trong nhóm

II. Quyết định

1. Quyết định cá nhân và quyết định
2. Tư duy nhóm và việc ra quyết

III. Lãnh đạo và quyền lực

1. Lãnh đạo và quyề lực: khái niệm, mối quan hệ và sự khác b
2. Các học thuyết về lãnh
3. Các loại quyền lực và cơ sở của chúng

Chương 5: Giao tiếp, xung đột và đàm phán ***(LT 4; TL 6; Tự học 25)***

I. Giao tiếp trong tổ chức

II. Xung đột trong tổ chức

III. Đàm phán trong tổ chức

Chương 6: Cơ cấu và văn hoá tổ chức ***(LT 3; TL 4; Tự học 15)***

I. Cơ cấu tổ chức

1. Khái niện và tầm quan trong của cơ cấu tổ chức
2. Các yếu tố then chốt cần quan tâm khi thiết kế cơ câu tổ chức

II. Văn hoá tổ chức

1. Khái niệm văn háo tổ chức
2. Tác động của văn hoá tổ chức tới hành vi nhân viên

Chương 7: Quản lý sự thay đổi trong tổ chức và quản lý sự căng thẳng trong công việc ***(LT 4; TL 3; Tự học 15)***

I. Quản lý sự thay đổi

1. Các áp lực thúc đẩy sự thay đổi
2. Quản lý sự thay đổi có kế hoạch

II. Quản lý sự căng thẳng trong công việc

1. Nguyên nhân căng thẳn trong công việc
2. Giải pháp giải quyết căng thẳng trong công việc

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1, CLO2, CLO3	**30%**
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3, CLO4, CLO5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn QTKD (phòng 303 nhà A2 vào sáng thứ 7 tuần cuối của học phần).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung (2013), *Giáo trình kỹ năng quản trị*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tài liệu tham khảo

2. Phạm Thúy Hương & Phạm Thị Bích Ngọc (2022), *Giáo trình Hành vi tổ chức*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc Dân

3. Robbins S.P, Timothy A.Judge (2012), *Hành vi tổ chức*, Nxb Lao động xã hội.

4. Dương Thị Liễu (2013), *Văn hóa kinh doanh*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân.

Học phần 7b: Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá/ Human resource management in globalization context.

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3QT203
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: QTKD
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Học phần Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá cung cấp những kiến thức chuyên sâu như: các trường phái quản trị nguồn nhân lực và hoàn cảnh ra đời, tiếp cận hiện đại về quản trị nguồn nhân lực; hoạt động tìm kiếm và tuyển chọn nhân sự của các doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh về nhân lực ngày càng tăng và mở rộng phạm vi toàn cầu; công tác bố trí, sử dụng nguồn nhân lực theo tiếp cận đa trí tuệ, dụng nhân như dụng mộc; tạo dựng mô hình doanh nghiệp học tập thông qua đào tạo và phát triển nhân sự nội bộ; chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động thông qua đãi ngộ nhân sự. Duy trì quan hệ lao động theo các thông lệ trong nước và quốc tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu

- CO2: Có kỹ năng hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, đãi ngộ nhân sự trong tổ chức

- CO3: Người học được giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong hoạt

bát, sáng tạo, cần cù, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm được những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu
- CLO2: Hoạch định chiến lược nhân lực, tuyển chọn nhân sự, bố trí, sử dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự trong tổ chức
- CLO3: Có khả năng đánh giá nhân sự, tạo sự gắn kết trong nhân viên và tính toán thù lao nhân sự.
- CLO4: Sử dụng tốt 1 số công cụ trong quản trị nguồn nhân lực.
- CLO5: Đánh giá đúng được về phẩm chất, tiêu chuẩn cần đạt được của cán bộ quản quản trị nguồn nhân lực cũng như các bộ phận khác trong tổ chức.
-CLO6: Có khả năng tự học tập nghiên cứu các tài liệu liên quan đến vấn đề quản lý nhà nước về công tác quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức phù hợp với bối cảnh toàn cầu.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Giới thiệu về quản trị nguồn nhân lực

(LT: 4; TH: 0; TL-BT 4; Tự học 15)

1.1. Quản trị nguồn nhân lực và tầm quan trọng của quản trị nguồn nhân lực

1.1.1. Nguồn nhân lực và phân loại nguồn nhân lực

1.1.2. Khái niệm, vai trò, vị trí của quản trị nguồn nhân lực

1.1.3. Các mô hình quản trị nguồn nhân lực

1.2. Nội dung quản trị nguồn nhân lực

Chương 2: Hoạch định và tuyển dụng (LT: 8; TH: 5; TL-BT 3; Tự học 25)

2.1. Hoạch định nguồn nhân lực

2.1.1. Tầm quan trọng và lợi ích của hoạch định nguồn nhân lực

2.1.2. Quy trìnhhoạch định nguồn nhân lực trong tổ chức

2.1.3. Các yếu tố tác động đến hoạch định nguồn nhân lực

2.1.4. Một số công cụ dự báo nhu cầu nguồn nhân lực

2.1.5. Hoạch định nguồn nhân lực hiệu quả trong bối cảnh hiện nay

2.2. Tuyển dụng nguồn nhân lực

2.2.1. Chiến lược và chính sách tuyển dụng trong tổ chức

2.2.2 Tầm quan trọng của tuyển dụng trong quản trị nguồn nhân lực

2.2.3. Quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực trong tổ chức

2.2.5. Xu hướng tuyển dụng trong tương lai

Chương 3: Phát triển nguồn nhân lực

(LT: 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 25)

3.1. Đào tạo và phát triển nhân lực

3.1.1. Đào tạo, học tập và phát triển trong bối cảnh CN 4.0 và chuyển đổi số

3.1.2. Các lý thuyết học tập

3.2. Quản trị năng lực

Chương 4: Gắn kết nhân viên, thành tích và thù lao
(LT: 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 30)

4.1. Gắn kết nhân viên

4.1.1. Gắn kết nhân viên và hiệu quả hoạt động của tổ chức

4.1.2. Đo lường mức độ gắn kết

4.1.3. Xây dựng môi trường làm việc gắn kết: Mục tiêu, Chiến lược và Thách thức

4.2. Đánh giá và quản trị thành tích làm việc

4.2.1. Mục tiêu của quản trị thành tích làm việc

4.2.2. Quy trình, nội dung đánh giá và quản trị thành tích làm việc

4.3. Thù lao và phúc lợi

Chương 5: Quản trị nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0
(LT: 5; TH: 0; TL-BT 3; Tự học 25)

5.1 Đổi mới quản trị nguồn nhân lực

5.1.1. Quản trị nhân lực và quá trình đổi mới

5.1.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới quản trị nhân lực trong tổ chức

5.1.3 Các xu hướng hiện đại trong đổi mới quản trị nguồn nhân lực

5.2. Quản trị nguồn nhân lực tại SMEs: Hiện tại và tương lai

5.2.1. Quản trị nguồn nhân lực và hiệu quả hoạt động của tổ chức trong SME

5.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực trong SME

5.2.3. Xu hướng quản trị nguồn nhân lực tại SMEs

Chương 6: Thực tế về công tác quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức
(LT: 0; TH: 5; TL-BT 1; Tự học 15)

6.1 Lựa chọn địa điểm học thực tế

6.2. Xây dựng kế hoạch chương trình thăm quan học tập thực tế

6.3. Chia nhóm và định hướng chủ đề cần nghiên cứu và viết thu hoạch thực tế

6.4. Tổ chức các hoạt động thăm quan thực tế

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	x	x

Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Kiểm tra viết	Rubic thi viết	CLO1	**30%**
			CLO2,3,5	
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
			CLO6	
3	Thuyết trình BT nhóm hoặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,6	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi viết	Rubric thi viết	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực cáchoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Thanh Nhàn (2016), Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực căn bản, Nxb Thống Kê, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Amitabha Sengupta (2021), *Quản trị nguồn nhân lực*, Nxb Hồng Đức

3. Nguyễn Vân Điềm, Nguyễn Ngọc Quân (2015), *Giáo trình Quản trị nhân lực*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

Học phần 8: Tổng luận kế toán/ Principles for Accounting

- Số tín chỉ: 3 **(LT: 27, TL: 27, TH: 09)**
- Mã học phần: 3KQ204
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến chuyên sâu về lý thuyết kế toán như: Nghiên cứu bản chất của kế toán theo các cách tiếp cận, những vấn đề lý luận chuyên sâu của khoa học kế toán, các loại hình và lý thuyết kế toán, nghiên cứu đối tượng kế toán theo các lý thuyết và loại hình kế toán, hệ thống các nguyên tắc và phương pháp kế toán, xu hướng phát triển kế toán.

Năng lực cần đạt được: Người học có năng lực phân tích đánh giá sự khác nhau giữa các hệ thống kế toán trên thế giới, có năng lực vận dụng các nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán tổ chức công tác kế toán tại đơn vị

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng xác định, diễn giải được bản chất, vai trò và quá trình hình thành và phát triển của kế toán, phân biệt được sự khác biệt giữa các hệ thống kế toán trên thế giới; quy định pháp lý về kế toán ở Việt Nam
- CO2: Học viên có khả năng vận dụng được các nguyên tắc kế toán, phương pháp kế toán trong quá trình thực hiện hoạt động kế toán tại đơn vị.
- CO3: Người học có kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao nội dung thuộc lĩnh vực kế toán; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình nghiên cứu và thực hành môn học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện và xác định được bản chất, vai trò và quá trình hình thành và phát triển của kế toán; bản chất của kế toán theo các cách tiếp cận; các loại hình và lý thuyết kế toán; đối tượng kế toán theo các lý thuyết và loại hình kế toán
- CLO2: Giải thích được hệ thống các nguyên tắc và phương pháp kế toán, xu hướng phát triển kế toán.
- CLO3: Vận dụng được các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung (GAAP) và nguyên tắc kế toán ở Việt Nam.

- CLO4: Vận dụng được các phương pháp kế toán trong thực hành hoạt động kế toán tại các cơ quan, doanh nghiệp.

- CLO5: Tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán.

4. Nội dung học phần

Chuyên đề 1: Tổng quan về khoa học kế toán (LT: 6, TL: 6, TH: 0)

1.1. Các quan điểm về kế toán và bản chất kế toán

1.1.1. Các quan điểm về kế toán

1.1.2. Bản chất của kế toán

1.2. Sự hình thành và phát triển của kế toán

1.3. Nghiên cứu kế toán qua các cách tiếp cận

1.3.1. Tiếp cận kế toán từ góc độ công cụ quản lý

1.3.2. Tiếp cận kế toán từ góc độ 1 nghề chuyên môn

1.4. Một số vấn đề cụ thể trong nghiên cứu kế toán

1.4.1. Nghiên cứu tính hữu ích của thông tin kế toán

1.4.2. Nghiên cứu về định giá

1.4.3. Nghiên cứu về lập quy

Chuyên đề 2: Hệ thống kế toán trên thế giới (LT: 06, TL: 09, TH: 0)

2.1. Hệ thống kế toán tĩnh

2.2. Hệ thống kế toán động

2.3. Các hệ thống kế toán khác trên thế giới

Chuyên đề 3: Khuôn mẫu kế toán (LT:06, TL: 06, TH: 0)

3.1. Khái niệm và ý nghĩa của khuôn mẫu kế toán

3.2. Quá trình phát triển của khuôn mẫu kế toán

3.2.1. Quá trình phát triển khuôn mẫu kế toán quốc tế

3.2.2. Quá trình phát triển khuôn mẫu kế toán của một số nước

3.3. Nội dung khuôn mẫu kế toán

3.3.1. Khuôn mẫu về các yếu tố của báo cáo tài chính

3.3.2. Khuôn mẫu về trình bày báo cáo tài chính

Chuyên đề 4: Ứng dụng các lý thuyết kinh tế trong tổ chức công tác kế toán (LT: 09, TL: 06, TH: 09)

4.1. Các lý thuyết kinh tế chi phối tổ chức công tác kế toán trong đơn vị

4.1.1. Lý thuyết tổ chức và hành vi tổ chức

4.1.2. Lý thuyết giới hạn

4.1.3. Các lý thuyết khác

4.2. Ảnh hưởng của các lý thuyết kinh tế tới tổ chức công tác kế toán trong đơn vị

4.2.1. Ảnh hưởng của các lý thuyết kinh tế tới tổ chức bộ máy kế toán

4.2.2. Ảnh hưởng của các lý thuyết kinh tế tới tổ chức hệ thống thông tin kế toán

4.3 Các mô hình tổ chức công tác kế toán trong đơn vị

4.3.1. Mô hình tổ chức công tác kế toán trong các Tổng công ty

4.3.2. Mô hình tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp

4.4. Thực hành vận dụng chế độ kế toán kế toán trong đơn vị

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x	x	x	x	x
Tự học	x	x	x	x	x
Thảo luận	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Kiểm tra viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,5	**30%**
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2,3,4,5	
3	Thuyết trình BT nhóm hoặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubric thuyết trình	CLO3,4,5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Tự luận	Rubric thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Tham gia đầy đủ tích cực cáchoạt động trên lớp, hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, bài tập cá nhân đảm bảo chất lượng; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên.

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm thảo luận, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

9. Tài liệu tham dạy học:

9.1. Giáo trình chính

1. Đoàn Xuân Tiên (2014), *Nguyên lý kế toán*, Nxb Tài chính.

9.2. Tài liệu tham khảo

2. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2021), *Nguyên lý kế toán*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

3. Võ Văn Nhị (2015), *Nguyên lý kế toán - Lý thuyết và hệ thống bài tập (Tái bản lần thứ 8)*, Nxb Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

Học phần 9: Kế toán tài chính nâng cao (Advanced Financial Accounting)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KC201
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

***Nội dung học phần*:**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khoản đầu tư tài chính dài hạn, các tài sản đi thuê, thuế thu nhập doanh nghiệp, sai sót kế toán, các ước tính kế toán và báo cáo tài chính hợp nhất trong các đơn vị, tổ chức. Ngoài ra, người học vận dụng phương pháp sửa chữa các sai sót kế toán cũng như trình bày thay đổi các chính sách kế toán các ước tính kế toán trên sổ kế toán và báo cáo tài chính, có khả năng lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học hiểu và vận dụng các kiến thức và ghi nhận được giá trị các khoản đầu tư tài chính, các tài sản đi thuê, Hiểu phương pháp và cách thức xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, hoãn lại, nhận biết các sai sót kế toán, các ước tính kế toán
- CO2: Người học có kỹ năng xác định thuế thu nhập doanh nghiệp, hạch toán kế

toán cũng như trình bày sổ kế toán và báo cáo kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo tài chính hợp nhất trong tổng công ty.

- CO3: Người học có kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao nội dung thuộc lĩnh vực kế toán, vấn đề lãnh đạo. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình nghiên cứu và thực hành môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết để giải quyết, lãnh đạo tốt các tình huống cụ thể trong công tác kế toán toán doanh nghiệp, đơn vị.

- CLO2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng các kiến thức chuyên sâu của kế toán tài chính để nhận biết sai sót từ đó lập, phân tích báo cáo kế toán của của toàn doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế tài chính có liên quan tại doanh nghiệp, đơn vị

- CLO3: Vận dụng các kỹ năng về lập báo cáo tài chính hợp nhất tại tập đoàn, tổng công ty. Kỹ năng tổ chức, đánh giá hoạt động kế toán tài chính trong các đơn vị.

- CLO4: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán tài chính. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Kế toán các khoản đầu tư tài chính dài hạn (LT5:TH5: TL2)

1.1. Kế toán bất động sản đầu tư

1.2. Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con

1.3. Kế toán đầu tư công ty liên doanh, liên kết

1.4. Kế toán đầu tư dài hạn khác

Chương 2: Kế toán thuê tài sản (LT5:TH5: TL2)

Chương 3: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (LT5:TH5: TL2)

3.1. Những vấn đề chung về thuế thu nhập doanh nghiệp

3.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

3.3. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chương 4: Kế toán các nội dung liên quan đến thay đổi chính sách kế toán, các ước tính kế toán và các sai sót ((LT6:TH5: TL2)

4.1. Một số thuật ngữ

4.2. Thay đổi chính sách kế toán

4.3. Thay đổi ước tính kế toán

4.4. Các sai sót trong kế toán.

4.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chương 5: Báo cáo tài chính hợp nhất (LT6:TH6: TL2)

5.1. Quy định chung về báo cáo tài chính hợp nhất

5.2. Phương pháp kế toán áp dụng.

5.3. Phương pháp lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

5.4. Phương pháp lập báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		x
Vấn đáp	x			
Tự học	x	x	x	x
TL	x	x	x	x
Thực hành				
Hướng dẫn				
Hoạt động nhóm		x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	**30%**
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình chính

1. Nguyễn Ngọc Ánh (2020), *Giáo trình Kế toán tài chính quyển 1, quyển 2*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

10.2 Tài liệu tham khảo

2. Trần Xuân Nam (2015), *Kế toán tài chính*, Nxb Tài chính.

3. Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), *Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính*, Nxb Tài chính.

Học phần 10: Kế toán quản trị nâng cao/Advanced Managerial Accounting

- Số tín chỉ: 3 (27, 24; 12)
- Mã học phần: 3KQ201
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao kế toán quản trị, xu hướng phát triển của kế toán quản trị; cách thức nhận diện, phân loại chi phí; ứng dụng mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận; các phương pháp quản trị chi phí theo các phương pháp hiện đại như ABC, theo mục tiêu, theo chu kỳ sản phẩm; kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm; kế toán quản trị với việc cung cấp thông tin phục vụ quản lý; cách và lập dự toán sản xuất; phân tích biến động chi phí

Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có năng lực lập định mức chi phí và dự toán; phân tích biến động chi phí, vận dụng mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận; năng lực phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn và dài hạn…

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng đọc hiểu thông tin kế toán, diễn giải được các khái

niệm về chi phí khối lượng, lợi nhuận, phân biệt được kế toán tài chính, kế toán quản trị.

- CO2: Học viên thực hiện được việc xác định chi phí, lập dự toán, vận hành việc phân tích mối quan hệ chi phí khối lượng và lợi nhuận.

- CO3: Học viên phân tích được thông tin tài chính, thông tin quản lý phục vụ ra quyết định; phân tích được báo cáo bộ phận; đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá, phân tích và vận dụng được các kiến thức về xác định chi phí, lập dự toán, báo cáo quản trị.

- CLO2: Nhận diện chi phí, vận dụng được mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận trong việc ứng xử chi phí.

- CLO3: Phân tích thông tin kế toán phục vụ ra quyết định ngắn hạn và dài hạn

- CLO4: Đánh giá và vận dụng kiến thức để đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm; phân tích báo cáo bộ phận

- CLO5: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

4. Nội dung học phần

Chuyên đề 1: Tổng quan về kế toán quản trị (LT: 03, TL: 03, TH: 0)

1.1. Bản chất, mục tiêu, đối tượng của KTQT

1.2. Quá trình phát triển của kế toán quản trị

1.3. Vai trò của KTQT trong công tác quản lý

Chuyên đề 2: Ứng xử chi phí và phân tích mối quan hệ Chi phí - khối lượng - lợi nhuận (LT: 09, TL: 09, TH: 03)

2.1. Nhận diện chi phí

2.2. Phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận

2.2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.2.2. Ứng dụng phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng -Lợi nhuận

2.3. Các phương pháp quản trị chi phí hiện đại

Chuyên đề 3: Phân tích quyết định quản lý (LT: 06, TL:06, TH: 0)

3.1. Phân tích quyết định sản xuất

3.2. Phân tích quyết định đơn đặt hàng đặc biệt

3.3. Phân tích kết cấu hàng bán

3.4. Phân tích trong điều kiện giới hạn

Chuyên đề 4: Xây dựng dự toán (LT: 09, TL: 06, TH:09)

4.1. Khái niệm, ý nghĩa của dự toán

4.2. Quy trình xây dựng dự toán

4.3. Nội dung của xây dựng dự toán

Cuối chương 4: Tổ chức thực hành, thực tế tại đơn vị nhằm khảo sát thực trạng xây dựng dự toán, và việc vận dụng chi phí khối lượng lợi nhuận tại các đơn vị

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

3. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Kiểm tra viết	Rubic thi viết	CLO1,2,3,5	**30%**
2	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận	CLO2,3,4,5	
3	Thuyết trình BT nhóm hoặc báo cáo kết quả hoạt động thực tế	Rubric thuyết trình	CLO3,4,5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Tự luận	Rubric thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi,

vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTQT (phòng 206B nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2021), *Giáo trình kế toán quản trị*, Nxb Kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn và cộng sự (2019), *Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam*, Nxb tài chính.

3. Đoàn Xuân Tiên (2009), *Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp,* Nxb Tài chính.

Học phần 11: Kiểm toán BCTC nâng cao/ Advanced financial statement audit

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KC202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức gắn với kiểm toán BCTC như: các sai phạm chủ yếu trong quá trình lập và trình bày báo cáo kiểm toán; rủi ro kiểm toán và trách nhiệm của kiểm toán viên; kiểm toán báo cáo tài chính tại các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các công ty liên doanh, liên kết.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học có kiến thức cơ bản và nâng cao: nhận diện các gian lận và sai sót trọng yếu thường xảy ra khi kiểm toán báo cáo tài chính; nhận thức đúng trách nhiệm của kiểm toán viên trong quá trình triển khai hoạt động kiểm toán nhằm hạn chế rủi ro kiểm toán

- CO2: Người học kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc chuyên ngành kế toán - kiểm toán; có kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị. tổ chức KSNB trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị, đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.

- CO3: Người học có tác phong nhanh nhẹn, có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc và chủ động để đáp ứng yêu cầu môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

- CLO1: Có kiến thức cơ bản về kiểm toán BCTC trong đơn vị, tổ chức.

- CLO2: Hiểu được các kiến thức về nhận diện các gian lận và sai sót trọng yếu thường xảy ra khi kiểm toán báo cáo tài chính.

- CLO3: Phân loại, vận dụng được các dữ liệu ảnh hưởng đến thông tin trên BCTC từ đó nhận diện sai phạm, các gian lận, sai sót trọng yếu.

- CLO4: Kỹ năng phân tích, xử lý các dữ liệu nhận diện các rủi ro kiểm toán; Có kỹ năng tổ chức và đánh giá KSNB trong đơn vị.

- CLO5: Kỹ năng xây dựng, triển khai, phát triển KTBCTC tại các đơn vị đặc thù như đơn vị sử dụng NSNN, đơn vị ngoài quốc doanh, đơn vị liên doanh liên kết; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

- CLO6: Có thói quen, phong cách làm việc khoa học, nghiêm túc và có ý thức trong hoạt động xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu tài liệu và tự học.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Các sai phạm chủ yếu khi lập và trình bày báo cáo tài chính (7, 6, 0,4)

Nội dung 2: Rủi ro kiểm toán và trách nhiệm của kiểm toán viên trong kiểm toán báo cáo tài chính (6, 7, 0, 4)

Nội dung 3: Kiểm toán báo cáo tài chính tại các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước. (7, 7, 0, 5)

Nội dung 4. Kiểm toán báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các công ty liên doanh, liên kết. (7, 7, 0, 5)

5. Phương pháp dạy học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần					
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	x	x	x	x		
Vấn đáp	x				x	
Tự học	x	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x	x
Thực hành	x					
Hướng dẫn	x					
Hoạt động nhóm	x		x		x	x
Nghiên cứu tình huống			x			x

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	**Kiểm tra thường xuyên (05)**			
1	Chuyên cần, thái độ học tập	Rubric 1	CLO6	30%
2	Kiểm tra vấn đáp/lên bảng	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	

3	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
II	**Kiểm tra giữa kỳ (01)**			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
III	**Thi cuối kỳ**			
	Kiểm tra viết	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên.

+ Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao.

- Làm bài kiểm tra định kỳ.
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

10.1. Giáo trình chính

1. Khoa Kế toán - Kiểm toán, Trường ĐH KTTPHCM, Bộ môn Kế toán - Kiểm toán (2014), *Kiểm toán*, Nxb Kinh tế TPHCM.

10.2 Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Quang Quynh; Nguyễn Thị Phương Hoa (2018), *Lý thuyết kiểm toán*, Nxb Tài chính.

3. Nguyễn Thị Phương Hoa (2013), *Bài tập kiểm toán tài chính*, Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân

Học phần 12: Kế toán công/Accounting for public sector)

- Số tín chỉ: 3 (27, 24; 12)
- Mã học phần: 3KQ202
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Nội dung học phần cung cấp kiến thức nâng cao về tài chính, hệ thống kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc NN; kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho; kế toán tải sản cố định, kế toán các nguồn kinh phí, kế toán thu – chi và hệ thống báo cáo kế toán và báo cáo quyết toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp

Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có năng lực vận dụng các phương pháp kế toán để thực hiện kế toán các phần hành chủ yếu trong đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc NN; có năng lực đọc hiểu, lập và phân tích BCTC, BCQT trong đơn vị.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng xác định, diễn giải được các vấn đề cơ bản tài chính công và hệ thống kế toán công trong đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc NN

- CO2: Học viên vận hành, thực hiện được các phương pháp kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, TSCĐ, kế toán các nguồn kinh phí, kế toán thu-chi… tại đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc NN

- CO3: Học viên tính toán và phân tích được các chỉ tiêu, phương pháp lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc NN..

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá và diễn giải được kiến thức về tài chính công và hệ thống quản lý tài chính công, hệ thống kế toán công trong đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc NN….

- CLO2: Xác định và thực hiện được các phương pháp kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán ngân sách xã và kế toán kho bạc nhà nước.

- CLO3: Thực hiện và giải thích được các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.

- CLO4: Vận hành phân tích và đánh giá được tình hình tài chính của đơn vị thông qua hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán.

- CLO5: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

4. Nội dung học phần

Chuyên đề 1: Tổng quan tài chính công và hệ thống kế toán công

(LT: 06, TL: 03 TH: 0)

1.1. Tài chính công và hệ thống quản lý tài chính công

1.2. Hệ thống kế toán công trong đơn vị hành chính sự nghiệp

1.3. Tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp

Chuyên đề 2: Kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp (LT: 09, TL: 09, TH:0)

2.1. Kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho

2.2. Kế toán tài sản cố định

2.3. Kế toán nguồn kinh phí, quỹ; kế toán thu chi tại đơn vị HCSN

2.4. Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán

Chuyên đề 3: Kế toán ngân sách xã (LT: 06, TL: 06, TH: 0)

3.1. Tài chính và quản lý tài chính xã

3.2. Tổng quan về kế toán ngân sách xã

3.3. Kế toán một số phần hành chủ yếu

3.3.1. Kế toán vốn bằng tiền, vật tư, TSCĐ

3.3.2. Kế toán thanh toán

3.3.3. Kế toán thu – chi ngân sách xã và chênh lệch thu chi ngân sách xã

3.3.4. Kế toán nguồn kinh phí và các quỹ tài chính ngoài ngân sách

3.4. Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán

Chuyên đề 4: Kế toán Ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước (LT: 06, TL: 06, TH: 0)

4.1. Tổng quan về kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN

4.2. Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán không dùng tiền mặt

4.3. Kế toán Ngân sách Nhà nước

4.4. Kế toán viện trợ, vay nợ của Nhà nước qua KBNN

4.5. Kế toán tiền gửi và các quỹ tài chính tại KBNN

4.6. Báo cáo tài chính

Chuyên đề 5: Thực tế kế toán công tại đơn vị hành chính sự nghiệp, đơn vị xã phường thị trấn, Kho bạc nhà nước LT: 0, TL: 0, TH: 12)

5.1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

5.2. Xây dựng kế hoạch

5.3. Tổ chức hoạt động thực tế

5.4. Viết báo cáo thu hoạch

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					

Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1	**30%**
			CLO2,3	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTQT (phòng 206B nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Võ Văn Nhị và cộng sự (2018), *Giáo trình kế toán hành chính sự nghiệp theo thông tư 107/2017/TT-BTC*, Nxb Tài chính.

2. Lê Thị Minh Huệ, Phạm Thị Bích Thu và Nguyễn Thị Nhung (2023), *Giáo trình Kế toán ngân sách xã*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

3. Bộ Tài chính (2017), *Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.*

4. Bộ Tài chính (2019), *Thông tư số 70/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.*

5. Bộ Tài chính (2017), *Thông tư số 77/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước*

Học phần 13a: Phân tích kinh doanh/ Business Analysis

- Số tín chỉ: 3 (27, 21; 15)
- Mã học phần: 3KQ101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

***Nội dung học phần*:**

Nội dung học phần về chức năng, vị trí của phân tích kinh doanh trong doanh nghiệp như: khái niệm, nội dung, các phương pháp phân tích và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; phân tích tình hình sản xuất; phân tích kết quả sản xuất, tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của doanh nghiệp và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Qua đó, xác định các nhân tố ảnh hưởng và tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng, đề xuất các biện pháp để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp.

Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có năng lực vận dụng các phương pháp phân tích để phân tích hoạt động sản xuất, phân tích tình hình tiêu thụ và kết quả sản xuất, phân tích tình thình tài chính của doanh nghiệp; có năng lực phân tích độc lập, kỹ năng lập luận và trình bày quan điểm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng xác định, diễn giải được các khái niệm, nội dung, phương pháp phân tích; các chỉ tiêu phân tích hoạt động sản xuất, hoạt động tiêu thụ, tình hình tài chính của đơn vị

- CO2: Học viên vận hành, thực hiện được việc phân tích tình hình sản xuất, hoạt động tiêu thụ, tình hình tài chính của đơn vị

- CO3: Học viên phân tích tình hình sản xuất, tình hình hoạt động tiêu thụ, tình hình tài chính của đơn vị; đánh giá được nguyên nhân của các vấn đề và đề xuất được phương án giải quyết.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hệ thống hoá và diễn giải được kiến thức về đối tượng, nội dung, phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh; các chỉ tiêu phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tiêu thụ và kết quả KD, tình hình tài chính

- CLO2: Vận hành phân tích được hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tiêu thụ và kết quả KD

- CLO3: Vận hành phân tích và đánh giá được tình hình tài chính, tình hình thanh toán, năng lực hoạt động của tài sản, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- CLO4: Đánh giá được kết quả, hạn chế nguyên nhân hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tiêu thụ và kết quả KD; tình hình tài chính của đơn vị; tư vấn được cho nhà quản trị trong việc đưa ra các quyết định quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

- CLO5: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

4. Nội dung học phần

Chuyên đề 1: Tổng quan về phân tích kinh doanh (LT: 4, TL: 3, TH: 0)

1.1. Khái niệm

1.2. Đối tượng, nhiệm vụ phân tích

1.3. Phương pháp phân tích

1.4. Tổ chức công tác phân tích ở doanh nghiệp

Chuyên đề 2: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (LT: 10, TL: 4; TH: 0)

2.1 Phân tích tình hình cung ứng yếu tố đầu vào

2.1.1 Phân tích yếu tố lao động

2.1.2 Phân tích yếu tố TSCĐ

2.1.3 Phân tích yếu tố nguyên vật liệu

2.2 Phân tích hoạt động sản xuất

2.2.1 Phân tích chi phí sản xuất

2.2.2 Phân tích giá thành sản phẩm

Chuyên đề 3: Phân tích hoạt động tiêu thụ và kết quả KD (LT: 6, TL: 7, TH: 0)

3.1. Phân tích hoạt động tiêu thụ

3.2 Phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh

Chuyên đề 4: Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp (LT:7, TL: 7, TH: 03)

4.1. Đánh giá khái quát về tình hình tài chính

4.2. Phân tích cơ cấu tài chính và tình hình đầu tư

4.3. Phân tích tình hình thanh toán và khả năng thanh toán ngắn hạn

4.4. Phân tích năng lực hoạt động của tài sản

4.5. Phân tích khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chuyên đề 5: Thực tế hoạt động phân tích kinh doanh

(LT: 0, TL: 0, TH: 15)

5.1. Lựa chọn địa điểm học thực tế

5.2. Xây dựng kế hoạch

5.3. Tổ chức hoạt động thực tế

5.4. Viết báo cáo thu hoạch

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x	x
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2,3	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO5	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,5	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTQT (phòng 206B nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Nguyễn Văn Công (2013), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, Nxb Đại học KTQD.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Nguyễn Ngọc Quang (2014), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

3. Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2013), *Phân tích hoạt động kinh doanh,* Nxb Lao động- xã hội.

Học phần 13b: Phân tích báo cáo tài chính (Financial statement analysis)

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KC204
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

***Nội dung học phần*:**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về báo cáo tài chính trong doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính; phương pháp và nội dung phân tích khái quát tình hình tài chính, phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, phân tích khả năng tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền tệ, phân tích hiệu quả kinh doanh, phân tích rủi ro kinh doanh và dự báo nhu cầu tài chính.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu được các nguyên tắc cơ bản về báo cáo tài chính, nội dung và phương pháp phân tích báo cáo tài chính; Phân tích được khái quát tình hình tài chính trong doanh nghiệp, hình công nợ và khả năng thanh toán, khả năng tạo tiền và tình hình

lưu chuyển tiền tệ, hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp; Phân tích được rủi ro kinh doanh và dự báo nhu cầu tài chính.

CO2: Người học có kỹ năng phân tích tổng quát và chi tiết thông tin trên báo cáo tài chính doanh nghiệp, kỹ năng lập và trình bày phân tích báo cáo tài chính, kỹ năng tư vấn các vấn đề về tài chính trong doanh nghiệp cho nhà quản trị ra quyết định, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.

CO3: Người học có kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc lĩnh vực phân tích. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình nghiên cứu và thực hành môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn phân tích BCTC tại đơn vị bằng cách lựa chọn và ứng dụng những phương pháp, kỹ thuật kiểm soát nội bộ phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

CLO 2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức về phân tích BCTC để hiểu và giải thích được tình hình biến động của các chỉ tiêu trên BCTC, phân tích nguyên nhân và đề xuất được các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của DN.

CLO3: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, phân tích. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung học phần

Chuyên đề 1: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính và hệ thống báo cáo tài chính (LT:3; TL:3)

1.1. Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính

1.2. Hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp.

Chuyên đề 2: Phân tích khái quát tình hình tài chính (LT: 5, TL:5)

2.1. Ý nghĩa và mục đích phân tích

2.2. Hệ thống chỉ tiêu phân tích khái quát tình hình tài chính doanh nghiệp

Chuyên đề 3: Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán (LT: 5, TL:5)

3.1 Ý nghĩa và mục đích phân tích

3.2. Phân tích tình hình công nợ

3.3. Phân tích khả năng thanh toán

Chuyên đề 4: Phân tích khả năng tạo tiền và tình hình lưu chuyển tiền tệ (LT: 5, TL:5)

4.1. Ý nghĩa và mục đích phân tích

4.2. Phân tích khả năng tạo tiền

4.3. Phân tích khả năng chi trả thực tế trong doanh nghiệp

4.4. Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ

Chuyên đề 5: Phân tích hiệu quả kinh doanh (LT: 5, TL:5)

5.1. Ý nghĩa và mục đích phân tích

5.2. Đánh giá khái quát hiệu quả kinh doanh.

5.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn.

5.4. Phân tích hiệu quả sử dụng nguồn vốn.

6.5. Phân tích hiệu quả kinh doanh cho người đầu tư

Chuyên đề 6: Phân tích rủi ro kinh doanh và dự báo nhu cầu tài chính (LT: 4, TL:4)

6.1 Ý nghĩa và mục đích phân tích

6.2. Nhận diện rủi ro tài chính

6.3. Đo lường rủi ro tài chính

6.4. Dự báo nhu cầu tài chính

Chuyên đề 7: Thực hành phân tích báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp đặc thù (TH:9)

7.1. Phân tích báo cáo tài chính tại doanh nghiệp thương mại

7.2. Phân tích báo cáo tài chính tại doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ

7.3. Phân tích báo cáo tài chính tại doanh nghiệp xây lắp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
TL	x	x	x
Thực hành		x	
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm		x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
3	Đi học chuyên cần, tích cực	Rubric 3 đánh giá	CLO3	

	tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	chuyên cần và thái độ học tập		
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Phan Đức Dũng (2015), *Phân tích báo cáo tài chính lý thuyết-bài tập-bài giải*, Nxb Tài Chính.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Nguyễn Ngọc Quang (2011), *Phân tích báo cáo tài chính*, Nxb Tài chính.

3. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính,* Nxb Tài chính

Học phần 14a: Kiểm soát nội bộ/ Internal control

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KC203
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ (KSNB) như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSNB. Nắm được nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về KSNB như: Nội dung, mục đích, các yếu tố cấu thành KSNB cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Vận dụng được các nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị

CO2: Người học có kỹ năng nhận diện, đánh giá rủi ro trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị; kỹ năng tổ chức KSNB trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị và đánh giá KSNB trong các đơn vị được kiểm toán khi tiến hành các hoạt động kiểm toán.

CO3: Người học có kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc lĩnh vực kiểm toán. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình nghiên cứu và thực hành môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn kiểm soát nội bộ tại đơn vị bằng cách lựa chọn và ứng dụng những phương pháp, kỹ thuật kiểm soát nội bộ phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

CLO 2: Có khả năng tổng hợp và vận dụng kiến thức về kiểm soát nội bộ để hiểu và giải thích về các yếu tố cấu thành cũng như so sánh được các khung kiểm soát nội bộ phổ biến trên thế giới. Hiểu được nội dung tổ chức và vận hành kiểm soát nội bộ trong các chu trình sản xuất kinh doanh, hoạt động của đơn vị

CLO3: Vận dụng các kỹ năng về nhận diện, đánh giá rủi ro trong đơn vị. Kỹ năng tổ chức, đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ trong các đơn vị.

CLO4: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm toán nội bộ. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung học phần

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ (LT6, TH0, TL6)

1.1. Định nghĩa về kiểm soát

1.2. Lịch sử phát triển kiểm soát nội bộ

1.3Vai trò và trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG 2: CÁC THÀNH PHẦN CỦA KIỂM SOÁT NỘI BỘ (LT6, TH0, TL6)

2.1. Lý thuyết về KSNB theo COSO 2013

2.2. Các bộ phận của kiểm soát nội bộ

CHƯƠNG 3: KIỂM SOÁT MỘT SỐ CHU TRÌNH CƠ BẢN (LT9, TH0, TH9)

3.1 Kiểm soát chu trình mua hàng và thanh toán

3.2 Kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền

3.3 Kiểm soát chu trình tiền lương, nhân sự

3.4 Kiểm soát chu trình TSCĐ

CHƯƠNG 4: KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (LT6, TH0, TL6)

4.1. Đặc điểm hệ thống thông tin ảnh hưởng đến KSNB

4.2. Những hoạt động kiểm soát trong môi trường máy tính

CHƯƠNG 5: THỰC HÀNH TÌM HIỂU VỀ KIỂM KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP KHÁC NHAU (9TH)

5.1. KSNB trong doanh nghiệp sản xuất

5.2. KSNB trong doanh nghiệp thương mại

5.3. KSNB trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ

5.4. KSNB trong doanh nghiệp xây lắp

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần			
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
Thuyết trình	x	x		x
Vấn đáp	x			
Tự học	x	x	x	x
TL	x	x	x	x
Thực hành		x	x	x
Hoạt động nhóm		x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3,4	20%

Thi cuối kì				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206C nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Nguyễn Hữu Ánh (2021), *Kiểm soát nội bộ,* Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Phạm Thị Bích Thu và cộng sự (2019), *Sách chuyên khảo về Kiểm soát nội bộ*, Nxb Tài chính.

Học phần 14b: Kiểm soát quản lý/Management control

- Số tín chỉ: 3 (LT: 27, TL: 27, TH: 9)
- Mã học phần: 3KC101
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về bản chất kiểm soát quản lý, gắn kết và kiểm soát các hành vi của các thành viên, thiết kế cơ cấu tổ chức và xác lập nội dung kiểm soát quản lý trong từng cơ cấu tổ chức, trình tự các hoạt động trong quá trình kiểm soát quản lý (từ lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động, đo lường và đánh giá các hoạt động thực tế nhằm xác định sự tác động hay can thiệp nếu cần đến thực hiện chính sách đãi ngộ đối với kết quả hoạt động của các thành viên trong đơn vị).

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu về kiến thức

CO1: Hiểu được các kiến thức về KSQL như: Khái niệm, mục đích, đối tượng, phạm vi, chức năng, ý nghĩa của KSQL; nắm được nội dung, mục đích, cách thức thiết kế

các trung tâm trách nhiệm; nội dung kiểm soát giá chuyển giao trong đơn vị

CO2: Hiểu và vận dụng các kiến thức trong việc lập dự toán hoạt động, phân tích, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý tại đơn vị.

CO3: Hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn kiểm soát quản lý tại đơn vị bằng cách lựa chọn và ứng dụng những phương pháp, kỹ thuật phù hợp vào từng tình huống cụ thể.

CLO2: Vận dụng các kỹ năng lập dự toán hoạt động, phân tích, đo lường và đánh giá hoạt động kiểm soát quản lý tại đơn v.

CLO3: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kiểm soát. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung của học phần

CHƯƠNG 1: BẢN CHẤT CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (LT3, TH0, TL3)

1.1 Kiểm soát và các loại kiểm soát.

1.2 Khái niệm và nội dung của kiểm soát quản lý

1.3 Các đặc tính của kiểm soát quản lý

1.4 So sánh kiểm soát quản lý và kiểm soát tác nghiệp.

1.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến thiết kế hệ thống kiểm soát quản lý.

CHƯƠNG 2: TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM VÀ THIẾT KẾ TRUNG TÂM TRÁCH NHIỆM (LT6, TH0, TL6)

2.1 Khái quát về trung tâm trách nhiệm

2.2 Các loại hình trung tâm trách nhiệm

2.3 Lợi ích thiết kế các trung tâm trách nhiệm

2.4 Đo lường và đãi ngộ hoạt động của nhà quản lý trung tâm trách nhiệm.

CHƯƠNG 3: LẬP KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (LT6, TH0, TL6)

3.1 Bản chất, vai trò lập kế hoạch trong kiểm soát quản lý.

3.2 Phân tích chương trình dự án sản xuất kinh doanh mới

3.3 Phân tích, đánh giá các chương trình, dự án đang thực hiện.

3.4 Quá trình lập kế hoạch.

CHƯƠNG 4: KIỂM SOÁT TÍNH GIÁ CHUYỂN GIAO (LT6, TH0, TL6)

4.1 Mục tiêu tính giá chuyển giao.

4.2 Các phương pháp tính giá chuyển giao

4.3 Kiểm soát tính giá chuyển giao

CHƯƠNG 5: ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TRONG KIỂM SOÁT QUẢN LÝ (LT6, TH9, TL6)

5.1 Hệ thống các phương pháp đo lượng đánh giá hoạt động.

5.2 Các phương pháp đo lường, đánh giá hoạt động

5.3 Các cấp độ của kiểm soát.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
TL	x	x	x
Thực hành		x	
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm		x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
			CLO2	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
4	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì				

5	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Nguyễn Phương Hoa (2011), *Giáo trình kiểm soát quản lý*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo

2. Nguyễn Hữu Ánh (2021), *Kiểm soát nội bộ,* Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

Học phần 15a: Luật và chuẩn mực kế toán/Accounting laws and standards

- Số tín chỉ: 03
- Mã học phần: 3KC205
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán tài chính
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần:

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về Luật và hệ thống các chuẩn mực kế toán Việt nam đã ban hành bao gồm chuẩn mực chung, các chuẩn mực về yếu tố chi phí, các chuẩn mực về chi phí doanh thu, thu nhập, chuẩn mực về các khoản đầu tư va chuẩn mực về báo cáo tài chính.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Hiểu được các nguyên tắc kế toán, chuẩn mực kế toán, các quy định về tổ chức công tác kế toán trong Luật kế toán

CO2: Người học nhận diện, xác định và ghi nhận được các nghiệp vụ kinh tế trên cơ sở các chuẩn mực kế toán điều chỉnh, tổ chức công tác kế toán được quy định trong Luật kế toán, có kỹ năng xử lý các tình huống kế toán được quy định trong chuẩn mực kế toán,

báo cáo tài chính.

CO3: Người học có kỹ năng độc lập nghiên cứu chuyên sâu và nâng cao về các nội dung thuộc lĩnh vực kế toán. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình trong quá trình nghiên cứu và thực hành môn học

3. Chuẩn đầu ra học phần

CLO1: Có khả năng phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề thông qua việc vận dụng luật và chuẩn mực kế toán tại đơn vị.

CLO2: Có khả năng vận dụng các chuẩn mực kế toán trong việc tổ chức công tác kế toán tại đơn vị.

CLO3: Học viên tự chủ và có trách nhiệm trong việc thực hiện các nghiên cứu và trình bày nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán. Phát triển kỹ năng tiếp cận vấn đề; kỹ năng thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình trong quá trình học tập, nghiên cứu môn học.

4. Nội dung học phần

Chương 1: Tổng quan về luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán (LT2:TH2: TL2)

1.1. Luật kế toán

1.2. Hệ thống chuẩn mực kế toán

1.3. Chuẩn mực 01-chuẩn mực chung

Chương 2: Các chuẩn mực kế toán về yếu tố sản xuất (LT4:TH3: TL2)

2.1. Chuẩn mực 02-Hàng tồn kho

2.2. Chuẩn mực 03- TSCĐ hữu hình

2.3. Chuẩn mực 04- TSCĐ vô hình.

2.4. Chuẩn mực 06-Thuê tài sản

Chương 3: Các chuẩn mực kế toán liên quan đến chi phí, doanh thu, thu nhập, xác định kết quả kinh doanh (LT4:TH3: TL2)

3.1. Chuẩn mực 10-ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái

3.2. Chuẩn mực 14- Doanh thu và thu nhập khác

3.3. Chuẩn mực 15- Hợp đồng xây dựng

3.4. Chuẩn mực 16-Chi phí đi vay.

3.5. Chuẩn mực 17-Thuế thu nhậ doanh nghiệp

3.6. Chuẩn mực 19- Hợp đồng bảo hiểm.

3.7. Chuẩn mực 30- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chương 4: Các chuẩn mực kế toán liên quan các khoản đầu tư tài chính (LT4:TH3: TL2)

4.1. Chuẩn mực 05- Bất động sản đầu tư

4.2. Chuẩn mực 07- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

4.3. Chuẩn mực 08-Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh

4.4. Chuẩn mực 11- Hợp nhất kinh doanh

Chương 5: Các chuẩn mực kế toán liên quan đến báo cáo tài chính (LT4:TH3: TL2)

5.1. Chuẩn mực 21- Trình bày báo cáo tài chính

5.2. Chuẩn mực 22- Trình bày bổ sung báo cáo tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự.

5.3. Chuẩn mực 23- các sự kiện phát sinh sau ngày kết thức kỳ kế toán năm

5.4. Chuẩn mực 25-Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư công ty con.

5.5. Chuẩn mực 27- Báo cáo tài chính giữa niên độ,

5.6. Chuẩn mực 28- Báo cáo bộ phận.

5.7. Chuẩn mực 29-Thay đổi các ước tính kế toán, chính sách kế toán và các sai sót.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**		
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**
Thuyết trình	x	x	
Vấn đáp	x		
Tự học	x	x	x
TL	x	x	x
Thực hành		x	
Hướng dẫn		x	
Hoạt động nhóm		x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Kiểm tra thường xuyên				
1	Trắc nghiệm/ viết cá nhân	Rubric 1 bài thi viết	CLO1	30%
			CLO2	
			CLO3	
2	Thảo luận bài tập làm việc nhóm và thuyết trình	Rubric 2 đánh giá bài tập thảo luận nhóm và thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
3	Đi học chuyên cần, tích cực tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	Rubric 3 đánh giá chuyên cần và thái độ học tập	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết	Rubric 1 đánh giá bài kiểm tra viết	CLO 1,2,3	20%

Thi cuối kì				
	Viết	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO 1,2,3	50%
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTTC (phòng 206c nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Chúc Anh Tú (2020), *Giáo trình các chuẩn mực kế toán Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Nguyễn Đình Đỗ, Nguyễn Vũ Việt (2014), *Nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về kế toán và kế toán tài chính trong doanh nghiệp*, Nxb Tài chính

Học phần 15b: Kế toán trách nhiệm/Responsibility Accounting

- Số tín chỉ: 2 (18, 12; 12)
- Mã học phần: 3KT245
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về khái niệm, nhiệm vụ và vai trò của kế toán trách nhiệm trong việc tổ chức phân cấp quản lý; khái niệm, phân loại và hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm; cung cấp tổng quan về đánh giá thành quả quản lý; các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá thành quản tại các trung tâm trách nhiệm; nội dung và phương pháp lập báo cáo bộ phận

Năng lực cần đạt được: Kết thúc học phần học viên có năng lực phân loại các trung tâm trách nhiệm, có năng lực vận dụng các chỉ tiêu, phương pháp để đánh giá thành quả của các trung tâm trách nhiệm, có khả năng lập báo cáo bộ phận.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng nắm vững các vấn đề cơ bản về kế toán trách nhiệm, vai trò của kế toán trách nhiệm, hiểu cách xác định và tổ chức trung tâm trách nhiệm.

- CO2: Học viên thực hiện tính toán, phân tích được các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá thành quả quản lý tại các trung tâm trách nhiệm

- CO3: Học viên phân tích được các thông tin trong báo cáo kế toán trách nhiệm

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Năm vững, giải thích các nội dung các kiến thức cơ bản về kế toán trách nhiệm như: khái niệm, phân loại, hệ thống BC kế toán trách nhiệm, các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá thành quả….

- CLO2: Nhận diện và phân loại được các trung tâm trách nhiệm, tính toán được các chỉ tiêu đánh giá các trung tâm trách nhiệm.

- CLO3: Phân tích các báo cáo kế toán trách nhiệm và báo cáo trách nhiệm xã hội

- CLO4: Đánh giá và vận dụng kiến thức để phân tích, trình bày quan điểm về kế toán trách nhiệm xã hội

- CLO5: Hình thành được thái độ tự học, tự nghiên cứu; có thái độ, phong cách làm việc khoa học, chính xác và khách quan; có tinh thần trách nhiệm với công việc, có tinh thần tự chịu trách nhiệm.

4. Nội dung học phần

Chuyên đề 1: Tổng quan về kế toán trách nhiệm (LT: 03, TL: 03, TH: 0)

1.1. Khái niệm

1.2. Vai trò và phân loại

1.3. Kế toán trách nhiệm với tổ chức phân cấp quản lý

Chuyên đề 2: Kế toán trách nhiệm trong doanh nghiệp (LT: 09, TL: 06, TH: 12)

2.1. Tổ chức các trung tâm trách nhiệm

2.1.1. Khái niệm về trung tâm trách nhiệm

2.1.2. Xây dựng các trung tâm trách nhiệm

2.2. Chỉ tiêu đánh giá các trung tâm trách nhiệm

2.2.1. Dự toán trong hệ thống kế toán trách nhiệm

2.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá của trung tâm chi phí

2.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá của trung tâm doanh thu

2.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá của trung tâm lợi nhuận

2.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá của trung tâm đầu tư

2.3. Hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm

2.3.1. Đặc điểm của hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm

2.3.2. Nội dung của hệ thống báo cáo kế toán trách nhiệm

Cuối chương 2: Tổ chức đi thực tế tại các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị về thực tế xây dựng và đánh giá các trung tâm trách nhiệm

Chuyên đề 3: Kế toán trách nhiệm xã hội (LT: 06, TL: 03, TH: 0)

3.1. Khái niệm kế toán trách nhiệm xã hội

3.2. Kế toán trách nhiệm với môi trường

3.3. Kế toán trách nhiệm với các bên liên quan

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thuyết trình	x	x	x	x	
Vấn đáp	x				x
Tự học	x	x	x	x	x
TL	x	x	x	x	x
Thực hành					
Hướng dẫn					
Hoạt động nhóm		x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống		x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (30%)				
1	Trắc nghiệm	Đáp án	CLO1	30%
			CLO2,3	
2	Bài TL nhóm	Rubric TL	CLO2	
			CLO3	
			CLO4	
3	Thuyết trình BT nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
Đánh giá thường xuyên (20%)				**20%**
1	Học viên đi học đầy đủ theo quy định; Chủ động chuẩn bị bài; Tham gia tích cực các hoạt động trong giờ học trên lớp và thực hành thực tế.	Rubric chuyên cần	CLO1,2,4	
Thi cuối kì (50%)				**50%**
1	Thi vấn đáp/Thi viết	Rubric vấn đáp/đáp án thi viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				**10**

7. Yêu cầu đối với người học (học viên/nghiên cứu sinh)

Học viên phải tham dự đầy đủ ít nhất 80% số giờ trên lớp và hoạt động thực tế; có đầy đủ học liệu phục vụ học tập; Hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các bài tập nhóm, dự thi đầy đủ các bài kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần; Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, khoa học.

8. Kế hoạch tư vấn: Dự kiến của GV

Trong quá trình dạy, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan, cuối học phần bố trí ít nhất 1 buổi giải đáp những câu hỏi, vướng mắc của học viên trên lớp hoặc tại văn phòng bộ môn KTQT (phòng 206B nhà A2).

9. Trang thiết bị:

Phòng học đủ rộng để chia nhóm TL, có đầy đủ các phương tiện: bảng, máy chiếu, máy tính để thực hành thuyết trình, tài liệu học tập đầy đủ ở thư viện.

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Huỳnh Lợi và cộng sự (2021), *Kế toán quản trị*, Nxb Tài chính.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

2. Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Hồng và cộng sự (2021), *Giáo trình kế toán quản trị*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

Học phần 16: Thực tập/Intership

- Số tín chỉ: 6
- Mã học phần: 3TTKQ1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

1. Mô tả học phần:

Học phần được xây dựng nhằm giúp người học thực hành, tiếp cận thực tiễn công tác quản lý, tài chính, kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp. Học phần giúp học viên nâng cao và hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, năng lực vận dụng các vấn đề lý thuyết để đánh giá khái quát về thực tiễn về công tác quản lý, tài chính, kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Học viên có khả năng đánh giá được đặc điểm hoạt động quản lý, cơ chế quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp và đánh giá khái quát về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh/ tình hình thu - chi/ hiệu quả hoạt động của đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.
- CO2: Học viên vận dụng kiến thức thực tiễn để phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn tài chính - kế toán trong đơn vị

- CO3: Học viên vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu, đề xuất được giải pháp, tư vấn cho nhà lãnh đạo nhằm hoàn thiện công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích, quản trị và quản lý của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Mô tả được tổng quan hoạt động quản lý, cơ chế quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp

- CLO2: Phân tích, đánh giá được thực trạng công tác quản lý, tài chính, kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

- CLO3: Vận dụng kiến thức thực tiễn để phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn tài chính - kế toán trong đơn vị

- CLO4: Đề xuất được giải pháp, tư vấn cho nhà lãnh đạo nhằm hoàn thiện công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích, quản trị và quản lý của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp; Tổ chức điều hành được công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích, quản trị và quản lý của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp

- CLO5: Có năng lực làm việc khoa học, năng lực tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và khả năng học tập suốt đời; Có khả năng thích nghi với sự thay đổi, điều chỉnh trong bối cảnh hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung thực tập tốt nghiệp gồm 02 phần:

Phần 1. Thực tập tổng hợp

- Tìm hiểu về chiến lược, định hướng phát triển của đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

- Tìm hiểu đặc điểm hoạt động quản lý, cơ chế quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

- Đánh giá khái quát về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh/ tình hình thu - chi/ hiệu quả hoạt động của đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

Phần 2. Thực tập chuyên sâu về công tác quản lý, tài chính, kế toán tại đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

- Vận dụng được kiến thức thực tiễn để phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề thực tiễn tài chính - kế toán trong đơn vị.

- Đề xuất được giải pháp, tư vấn cho nhà lãnh đạo nhằm hoàn thiện công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích, quản trị và quản lý của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp.

- Kết thúc đợt thực tập, học viên viết báo cáo về thực tiễn công tác tài chính, kế toán, kiểm toán, phân tích, quản trị và quản lý của các đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp. Nội dung báo cáo thực tập tốt nghiệp gồm:

Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

1.2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh; cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

1.3. Đặc điểm cơ chế quản lý tài chính, công tác kế toán tại đơn vị

1.4. Đánh giá khái quát về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh/ tình hình thu - chi/ hiệu quả hoạt động của đơn vị

Chương 2: Thực trạng và một số giải pháp hoàn thiện kế toán/phân tích/kiểm soát…

2.1. Thực trạng hoạt động kế toán/phân tích/kiểm soát….

2.2. Đánh giá chung về hoạt động kế toán/phân tích/kiểm soát….

5. Hình thức dạy - học

Liệt kê các hình thức dạy học sử dụng trong học phần (Ví dụ: thuyết trình, thảo luận, thực hành, tham quan....).

Hình thức dạy học	Liên quan đến CĐR học phần				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Thực hành	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x
Chuyên đề	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
1.	Nội dung báo cáo thực tập	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá hình thức báo cáo thực tập)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	80%
2.	Hình thức BCTT	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá hình thức báo cáo thực tập)	CLO5	10%
3.	Thái độ, chuyên cần (Thực hiện đúng kế hoạch Ý thức, tinh thần, trách nhiệm trong thực tập)	Rubric đánh giá thực tập (phần đánh giá thái độ chuyên cần)	CLO5	10%
Thang điểm				10

Điểm báo cáo thực tập do 02 giảng viên của bộ môn chấm theo thang điểm 10.

7. Yêu cầu đối với học viên

- Theo quy định hiện hành, giảng viên và học viên chủ động trao đổi và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch nghiên cứu. Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn học viên hoàn thiện chuyên đề thực tập

- Sau khi có Quyết định thực tập, học viên phải đến cơ sở thực tập và thực hiện theo đúng quy định, nội quy của cơ sở thực tập.

- Kết thúc thực tập, học viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp, có nhận xét và đánh giá của cán bộ hướng dẫn thực tập và giảng viên hướng dẫn

- Học viên phải thực hiện các nội dung thực tập theo kế hoạch thực tập đã được giảng viên hướng dẫn xác nhận. Kết thúc đợt thực tập học viên phải viết và trình bày được

chuyên đề báo cáo nghiên cứu. Yêu cầu của báo cáo kết quả thực tập theo định dạng báo cáo khoa học, tham khảo tại biểu mẫu của Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022) về việc Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức.

8. Kế hoạch tư vấn:

Giáo viên định hướng mục tiêu, nội dung và phương pháp thực hiện hoạt động thực tập và làm báo cáo kết quả thực tập. Trong quá trình hướng dẫn chuyên đề, giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn học viên tìm, đọc tài liệu tham khảo liên quan; hướng dẫn học viên thu thập thông tin tài liệu tại đơn vị thực tập. Định kỳ, giảng viên hướng dẫn trao đổi và giải đáp thắc mắc cho học viên.

9. Trang thiết bị

Các trang thiết bị cần thiết sẽ được đơn vị thực tập cung cấp hoặc được trường ĐHHĐ, Khoa đào tạo cung cấp, hỗ trợ (nếu phù hợp và cần thiết)

10. Tài liệu tham khảo

1. Các văn bản quản lý, tài liệu, giáo trình, báo cáo khoa học chuyên ngành liên quan
2. Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu
3. Tham khảo các tài liệu về kế toán trên thư viện và học liệu mở, Trường Đại học Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/

Học phần 17: Thesis/Đề án tốt nghiệp

- Số tín chỉ: 9
- Mã học phần: 3DAKQ1
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán quản trị
- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành và đạt yêu cầu ít nhất 70% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Học phần giúp học viên vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích và các kiến thức tổng hợp khác để trình bày vấn đề nghiên cứu; đánh giá thực trạng vấn đề nghiên cứu và xác định được kết quả đạt được, tồn tại và hạn chế của vấn đề nghiên cứu tại 1 đơn vị nghiên cứu cụ thể. Từ đó, học viên có khả năng đề xuất giải pháp hoàn thiện các vấn đề về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích tại đơn vị nghiên cứu.

2. Mục tiêu học phần

CO1: Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên sâu để phân tích đánh giá thực trạng kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích tại đơn vị nghiên cứu.

- CO2: Học viên nhận diện và phát hiện được vấn đề nghiên cứu, đánh giá thực trạng vấn đề liên quan đến kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích tại đơn vị nghiên cứu; từ đó có khả năng tư vấn, đề xuất được các giải pháp hoàn thiện.
- CO3: Học viên hình thành được tư duy phân tích, phát hiện vấn đề, vận dụng tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng thu thập và xử lý thông tin

- CO4: Học viên có năng lực tư duy độc lập, kỹ năng làm việc nhóm; phát triển kỹ năng trình bày vấn đề nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình; có khả năng học tập suốt đời, thích nghi với sự thay đổi trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Vận dụng được kiến thức chuyên môn để đánh giá thực trạng kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích tại đơn vị nghiên cứu.
- CLO2: Nhận diện và phát hiện được vấn đề nghiên cứu về kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích tại đơn vị nghiên cứu.
- CLO3: Phân tích, đánh giá được thực trạng vấn đề nghiên cứu, xác định được kết quả đạt được, hạn chế của vấn đề nghiên cứu
- CLO4: Đề xuất được, tư vấn được các giải pháp để giải quyết vấn đề nghiên cứu đặt ra liên quan đến kế toán, kiểm toán, kiểm soát và phân tích tại đơn vị nghiên cứu.
- CLO5: Hình thành năng lực tư duy độc lập, kỹ năng phát hiện. kỹ năng trình bày vấn đề nghiên cứu; có khả năng thích nghi với sự thay đổi, điều chỉnh trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0.

4. Nội dung học phần

Nội dung 1: Đăng kí tên và xây dựng đề cương đề án

- Học viên đăng ký đề án và người hướng dẫn
- Học viên trao đổi và thống nhất người hướng dẫn về tên và hướng nghiên cứu của đề án
- Học viên xây dựng đề cương đề án.
-. Bộ môn tổ chức góp ý đề cương đề án
- Học viên hoàn thiện đề cương, có xác nhận của người hướng dẫn và Trưởng bộ môn.
- Nhà trường ra quyết định phê duyệt tên đề án và người hướng dẫn cho học viên trước khi tổ chức đánh giá đề án ít nhất 3 tháng.

Nội dung 2: Thực hiện đề án

2.1. Nghiên cứu cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu

2.2. Nghiên cứu thực trạng vấn đề nghiên cứu

2.3. Nghiên cứu đề xuất giải pháp

Nội dung 3: Hoàn thiện báo cáo đề án tốt nghiệp

- Qua quá trình nghiên cứu, học viên thực hiện viết báo cáo đề án tốt nghiệp và tóm tắt đề án. Cấu trúc của đề án thực hiện theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về "Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức". Tóm tắt đề án theo mẫu 9 theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về "Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức"

Nội dung 4: Đánh giá đề án tốt nghiệp và sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện trường

- Đánh giá đề án tốt nghiệp: Đề án tốt nghiệp được tổ chức đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước hội đồng. Buổi bảo vệ được tổ chức công khai trừ những đề tài thuộc các

lĩnh vực cần bảo mật thực hiện theo quy định của Nhà trường và Nhà nước

- Sửa hoàn thiện báo cáo đề án nộp lưu trữ đề án tại thư viện Trường: Sau khi bảo vệ đề án, học viên chỉnh sửa báo cáo theo kết luận của Hội đồng, hoàn thiện báo cáo đề án, nộp thực hiện báo có đề án theo quy định hiện hành.

5. Hình thức dạy - học

Hình thức dạy học	**Liên quan đến CĐR học phần**				
	CLO1	**CLO2**	**CLO3**	**CLO4**	**CLO5**
Thuyết trình	x	x	x	x	x
Tự học/tự nghiên cứu	x	x	x	x	x
Thực hành	x	x	x	x	x
Hướng dẫn	x	x	x	x	x
Nghiên cứu tình huống	x	x	x	x	x

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	**Hình thức đánh giá**	**Công cụ đánh giá**	**Liên quan CĐR HP**	**Trọng số**
Nội dung đề án				
1	Hội đồng chấm nội dung đề án	Rubric đánh giá báo cáo đề án	CLO1,2,3,4,5	80%
Các công trình khoa học có liên quan đến đề án			CLO1,2,3	10%
1	Hội đồng chấm nội dung các công trình khoa học có liên quan đến đề án	Rubric đánh giá các bài báo khoa học	CLO1,2,3	
Hình thức đề án				10%
1	Hội đồng chấm hình thức báo cáo đề án	Rubric đánh giá hình thức báo cáo đề án	CLO1,2,4,5	
Kỹ năng trình bày báo cáo đề án trước hội đồng				10%
1	Hội đồng chấm kỹ năng trình bày báo cáo đề án	Rubric đánh giá kỹ năng báo cáo đề án	CLO1,3,2,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với học viên

- Sau khi học hết 70% học phần của chương trình đào tạo, học viên thực đề án tốt nghiệp. Thời gian thực hiện đề án 03 tháng. Trong quá trình thực hiện đề án tốt nghiệp, học viên nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ, nội dung yêu cầu của đề án dưới sự hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn. Học viên cần hoàn thiện các thủ tục, quy trình để đủ điều kiện để được bảo vệ đề án trước hội đồng và nghiêm túc chỉnh sửa đề án theo góp ý trước khi nộp lưu chiểu tại Thư viện Nhà trường.

8. Kế hoạch tư vấn

Trong quá trình học viên nghiên cứu đề án tốt nghiệp, giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm hướng dẫn học viên thực hiện các nhiệm vụ của đề án đạt được mục tiêu đề ra.

9. Trang thiết bị

Có đầy đủ các phương tiện, cơ sở vật chất phòng học, bảng, máy chiếu, máy tính, Inernet, wifi để học tập, nghiên cứu; Trung tâm thông tin thư viện của nhà trường hiện đại, rộng lớn có đầy đủ tài liệu phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu đề án…

10. Tài liệu dạy học

Giáo trình/Tài liệu tham khảo bắt buộc (01-02 tài liệu)

1. Giáo trình tài liệu liên quan đến chủ đề được lựa chọn nghiên cứu.
2. Các báo cáo (thứ cấp) liên quan đến chủ đề và đơn vị nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)

3. http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/
4. Trường Đại học Hồng Đức (2022), Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về "Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức"

VI. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình

Để xây dựng chương trình đào tạo ngành Kế toán đã tham khảo các chương trình đào tạo dưới đây.

1) Trường Đại học Kinh tế quốc dân
https://sdh.neu.edu.vn/storage/files/Khung%20CTDT%20thac%20si%202022.pdf

2) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
https://admin.cms.ueb.edu.vn/ckfinder/connector?command=Proxy&lang=vi&langCode=vi&type=abc&currentFolder=%2Fhoangduchung%2F&hash=f8c1d87006fbf7e5cc4b026c3138bc046883dc71&fileName=KCT%20THS%20Ke%20toan.pdf

3) Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/chuyen-nganh-ke-toan-thac-si-huong-ung-dung/

4) Đại học Kinh tế Stockholm:
https://www.hhs.se/en/education/msc/mafm/?gclid=Cj0KCQiA3-yQBhD3ARIsAHuHT65vD19ILMjD3XNUlPuPMRsw7fhs9tgjK5rZIZwRsMwcQtjxtDUfMX8aAixXEALw_wcB

5. Đại học Auckland – New Zealand. https://cpb-ap-se2.wpmucdn.com/blogs.auckland.ac.nz/dist/6/426/files/2018/07/MProfAcc-Course-description-2021-WEB.pdf

VII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Chương trình đào tạo chuyên ngành Kế toán được áp dụng

- Đào tạo hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng. Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy thực hiện theo Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/1/2022 và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về Quy chế tuyển sinh và

đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đầu mỗi khóa học Nhà trường thông báo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa cho từng chương trình đào tạo để định hướng cho học viên. Thời gian đào tạo được quy định như sau:

+ Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, đồng thời bảo đảm đa số học viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Thời gian tối đa để học viên hoàn thành khóa học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

- Trưởng Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần đúng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ. Trưởng bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định;

- Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh chủ trì xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo, chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra của từng học phần và của chương trình đào tạo;

- Trưởng các phòng ban, Trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch thực hành, thực tập và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

3. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách lấy người học làm trung tâm, chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy tính chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập, nghiên cứu; định hướng hiệu quả để người học đạt được các chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương học phần và đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của CTĐT.

4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đánh giá kết quả học tập dựa trên chuẩn đầu ra, phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần và chương trình đào tạo. Đánh giá kết quả người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để thấy được sự tiến bộ của người học từ đó làm căn cứ để đánh giá CTĐT và điều chỉnh CTĐT.

Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

5. Quy định về bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 5 năm. Trong trường hợp cần thiết phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa và kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về Nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo Sau đại học). Chương trình đào tạo chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng.

Việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Bùi Văn Dũng